

(4)  
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT**  
CÁN BỘ, GIÁNG VIÊN, NHÂN VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG  
ĐÀO TẠO VÀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC NĂM 2019

Hà Nội, 2020



## BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC NĂM 2019

### I. GIỚI THIỆU

#### 1.1. Mục tiêu

Khảo sát cán bộ, giảng viên và nhân viên về chương trình đào tạo và môi trường làm việc là một trong những kênh quan trọng giúp nhà trường đảm bảo chất lượng đào tạo, là một trong những quy định bắt buộc trong. Kết quả khảo sát được phân hồi tới các bên liên quan, làm cơ sở để Học viện có các biện pháp, chủ trương, chính sách cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường.

#### 1.2. Phạm vi, đối tượng khảo sát

Đối tượng là toàn bộ cán bộ, giảng viên và nhân viên đang tham gia giảng dạy và phục vụ đào tạo trong các CTĐT các ngành tại Học viện Báo chí và tuyên truyền trong năm học 2019-2020. Tổng số 180 lượt GV và 80 lượt nhân viên được khảo sát.

#### 1.3. Nội dung và phương pháp khảo sát

Phiếu khảo sát cán bộ, giảng viên và nhân viên về Chương trình đào tạo và môi trường làm việc được thiết kế khoa học dựa trên thang đánh giá 5 cấp độ Likert Scale. Các phiếu khảo sát được thiết kế theo nguyên tắc khuyết danh, đảm bảo tính khách quan, chính xác.

Phiếu khảo sát được thiết kế gồm các câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi mở về các nội dung. Cán bộ, Giảng viên hoàn thành phiếu khảo sát gồm Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT, bản mô tả CTĐT, Chiến lược và phương pháp dạy học, Hoạt động kiểm tra đánh giá, Chế độ chính sách, cơ sở vật chất và môi trường làm việc. Nhân viên hoàn thành phần khảo sát về chế độ chính sách, cơ sở vật chất và môi trường làm việc.

Hình thức khảo sát: Khảo sát trực tuyến qua email

#### 1.4. Phân tích dữ liệu khảo sát

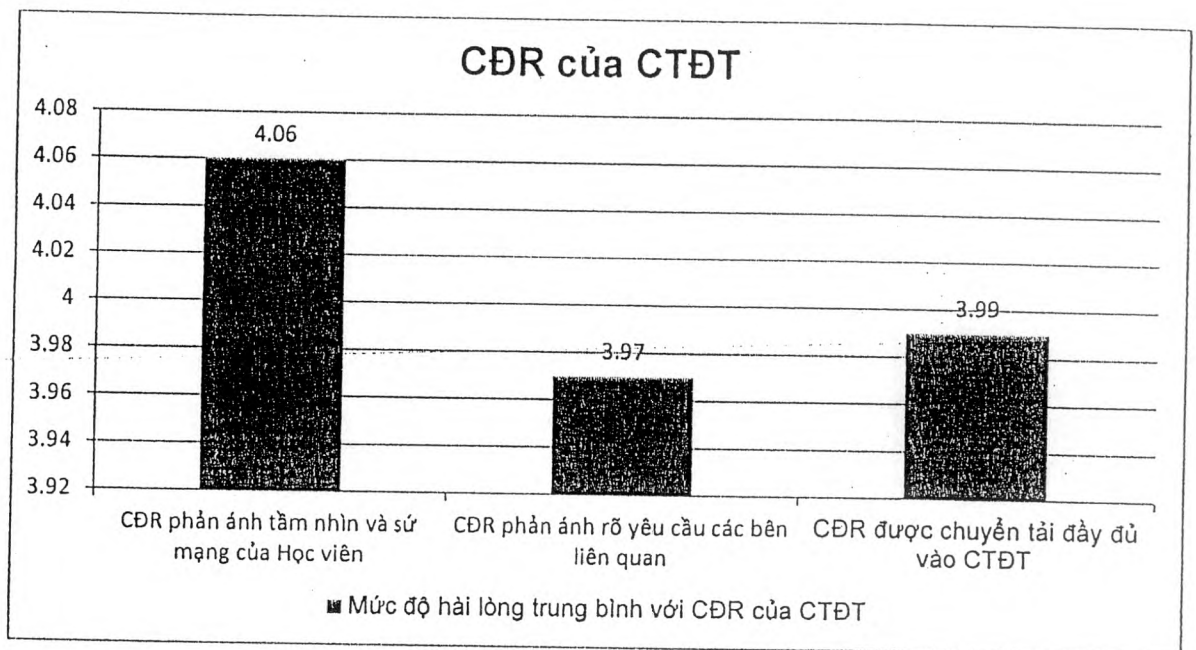
Dữ liệu khảo sát định lượng được phân tích thống kê theo tỷ lệ phần trăm các mức hài lòng và mức hài lòng trung bình của toàn Học viện. Dữ liệu khảo sát định tính từ các câu hỏi mở được phân tích theo các nội dung.



## II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

### 2.1 Mức độ hài lòng với CDR của CTĐT

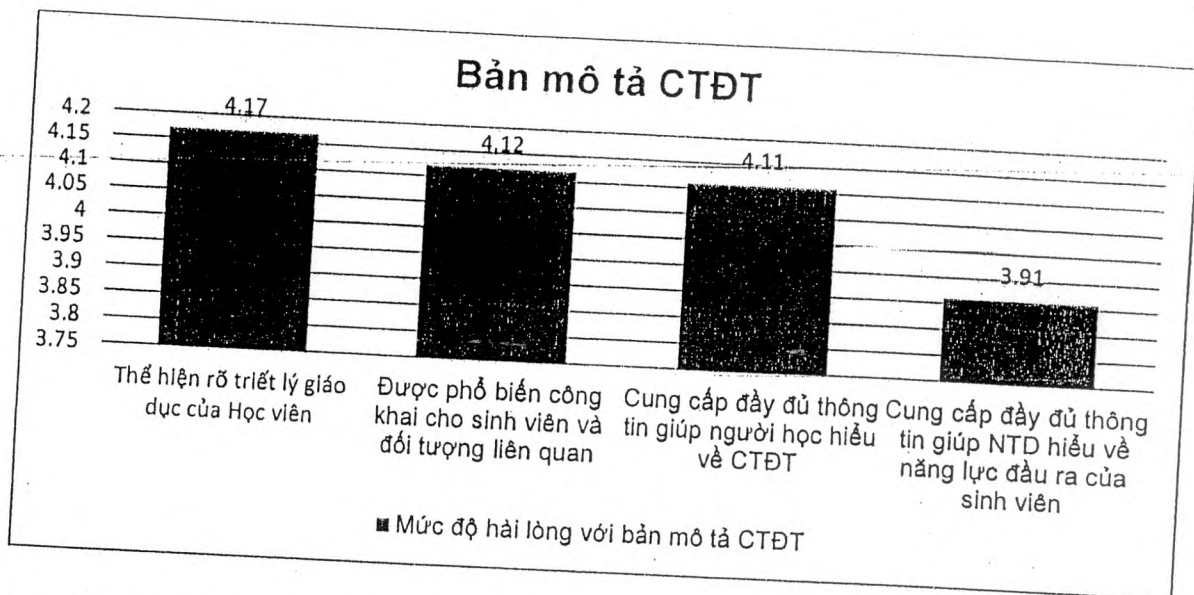
Giảng viên đánh giá CDR của chương trình đào tạo ở mức trung bình là 4.0/5. Trong đó tiêu chí về CDR phản ánh rõ tầm nhìn sứ mạng của Học viện được đánh giá cao hơn (4.06/5) và việc CDR phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan được đánh giá thấp hơn (3.97/5). Trên 80% cán bộ, giảng viên hài lòng với tiêu chí CDR của CTĐT.



### 2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

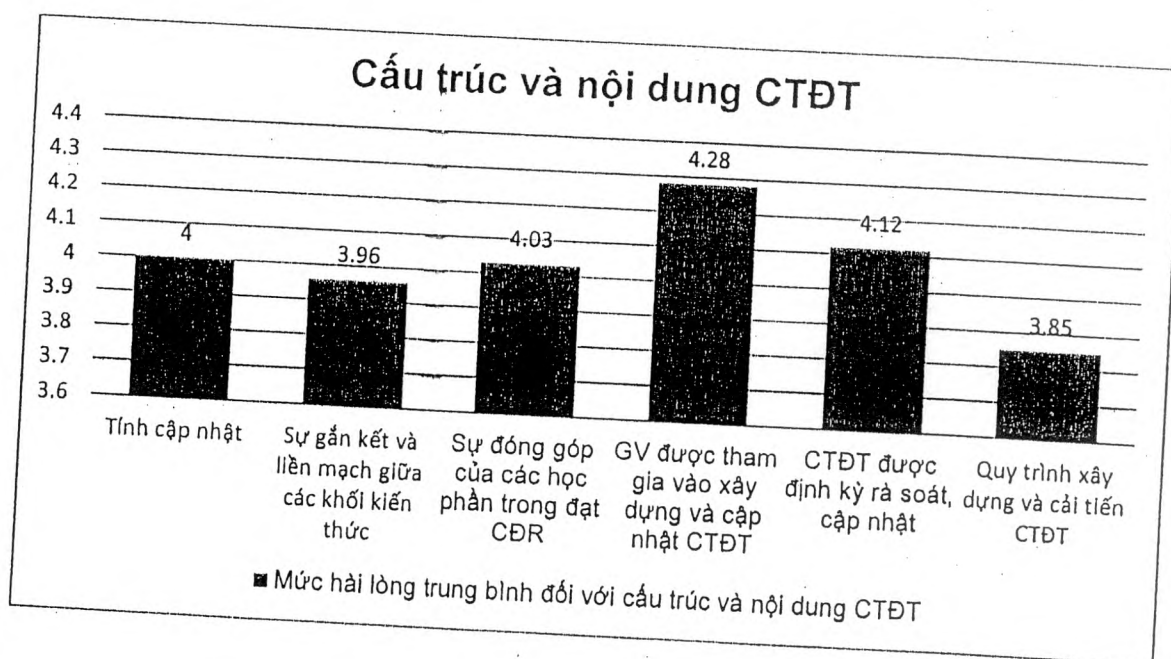
Bản mô tả CTĐT được giảng viên đánh giá ở mức trung bình 4.08/5. Các tiêu chí về Bản mô tả chương trình đào tạo thể hiện rõ triết lý giáo dục của Học viện, được phổ biến công khai và cung cấp đầy đủ thông tin cho người học được GV đánh giá ở mức cao hơn (4.1/5), với trên 84% CB, GV hài lòng. Tiêu chí về việc Bản mô tả CTĐT cung cấp thông tin giúp nhà tuyển dụng (NTD) hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên được đánh giá thấp hơn (3.9/5), với 73% CB, GV hài lòng





### 2.3. Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo

Cấu trúc và nội dung CTĐT được đánh giá ở mức trung bình 4.04/5. Trong đó, tiêu chí về việc Giảng viên được tham gia vào quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT được đánh giá cao hơn, 4.3/5 với 89% GV hài lòng; các tiêu chí CTĐT được định kỳ rà soát, cập nhật ở mức 4.1 với 83% GV hài lòng. Các tiêu chí còn lại về nội dung CTĐT như tính cập nhật, tính gắn kết, sự đóng góp của CTĐT để đạt được CDR của học phần được đánh giá ở mức 4/5, với khoảng 80% CB, GV hài lòng. Tiêu chí về quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT được đánh giá thấp hơn, với 3.85 với 75% CB, GV hài lòng.







*\* Nhận xét của CB, GV, NV*

**a) Tăng cường thời lượng dành cho thực hành:**

*Gắn lý luận với thực tiễn trong chương trình đào tạo*

*Với ngành báo chí cần tăng giờ thực hành, ví dụ học mỗi thể loại tin, phóng sự, phỏng vấn... cần có thời gian làm hai bài, sau mỗi bài các giảng viên phải trả bài, nhận xét từng bài trên lớp để các em rút kinh nghiệm. Việc chỉ làm một bài nộp vào cuối thời gian học mỗi môn và không trả trên lớp như hiện nay khiến các em biết điểm qua mạng mà không biết mình còn yếu mặt nào để khắc phục sẽ làm hạn chế kết quả đào tạo.*

*Nâng cao học tập thực hành để tận dụng sự sáng tạo ở sinh viên (GV Báo chí)*

*Đề nghị tăng thời gian đi thực tập, thực tế*

**b) Tăng cường sự tham gia của NTD trong quá trình xây dựng CTĐT**

*Có sự tham gia đánh giá của các nhà tuyển dụng trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo*

*(Khoa QHQT)*

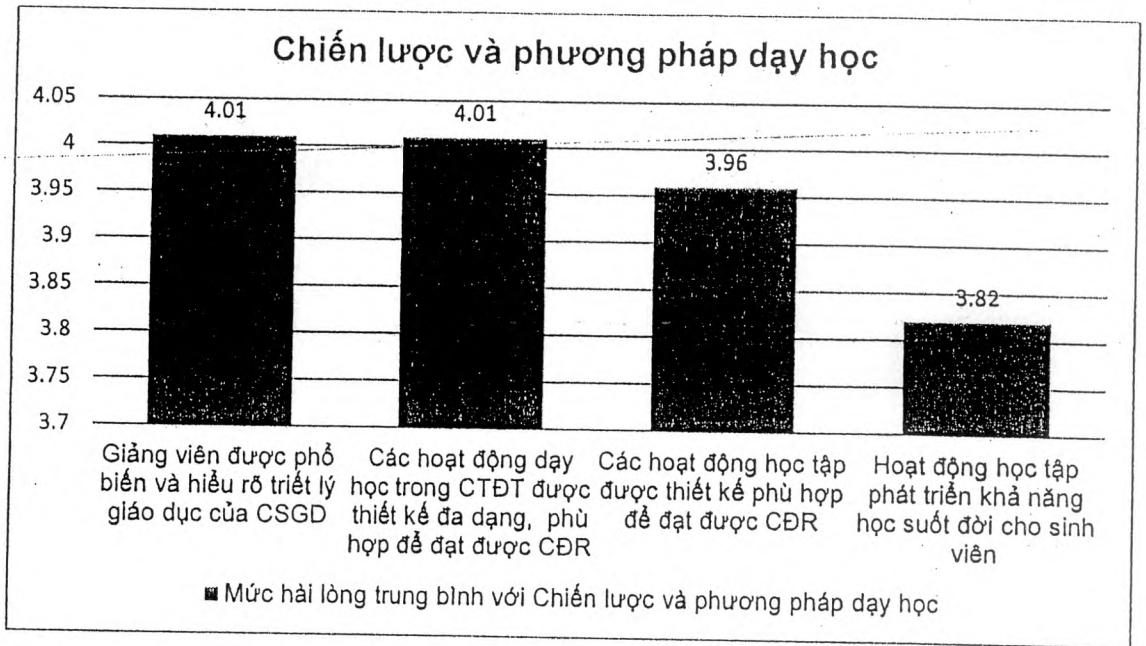
**2.4. Chiến lược, phương pháp dạy học**

Chiến lược và phương pháp dạy học có mức hài lòng trung bình 3.95/5 với gần 80% CB, GV hài lòng. Trong đó, tiêu chí về việc GV được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của HVBCTT, về các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, đáp ứng CĐR được đánh giá cao hơn, 4.0/5 với trên 80% CB, GV hài lòng. Tiêu chí về việc phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời của sinh viên ở mức thấp hơn, 3.82/5.

*\* Nhận xét, kiến nghị:*

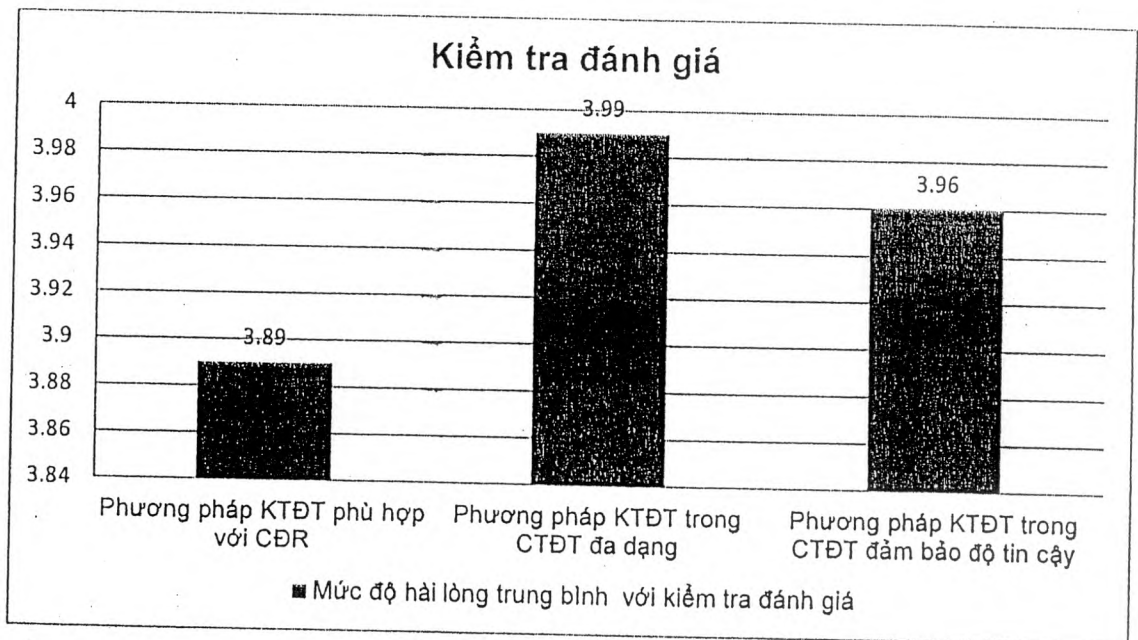
*Đổi mới mạnh mẽ về tư duy dạy học: chuyển từ dạy kiến thức sang rèn luyện kỹ năng, phương pháp. Điều này phải được thể hiện ngay trong xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo.*

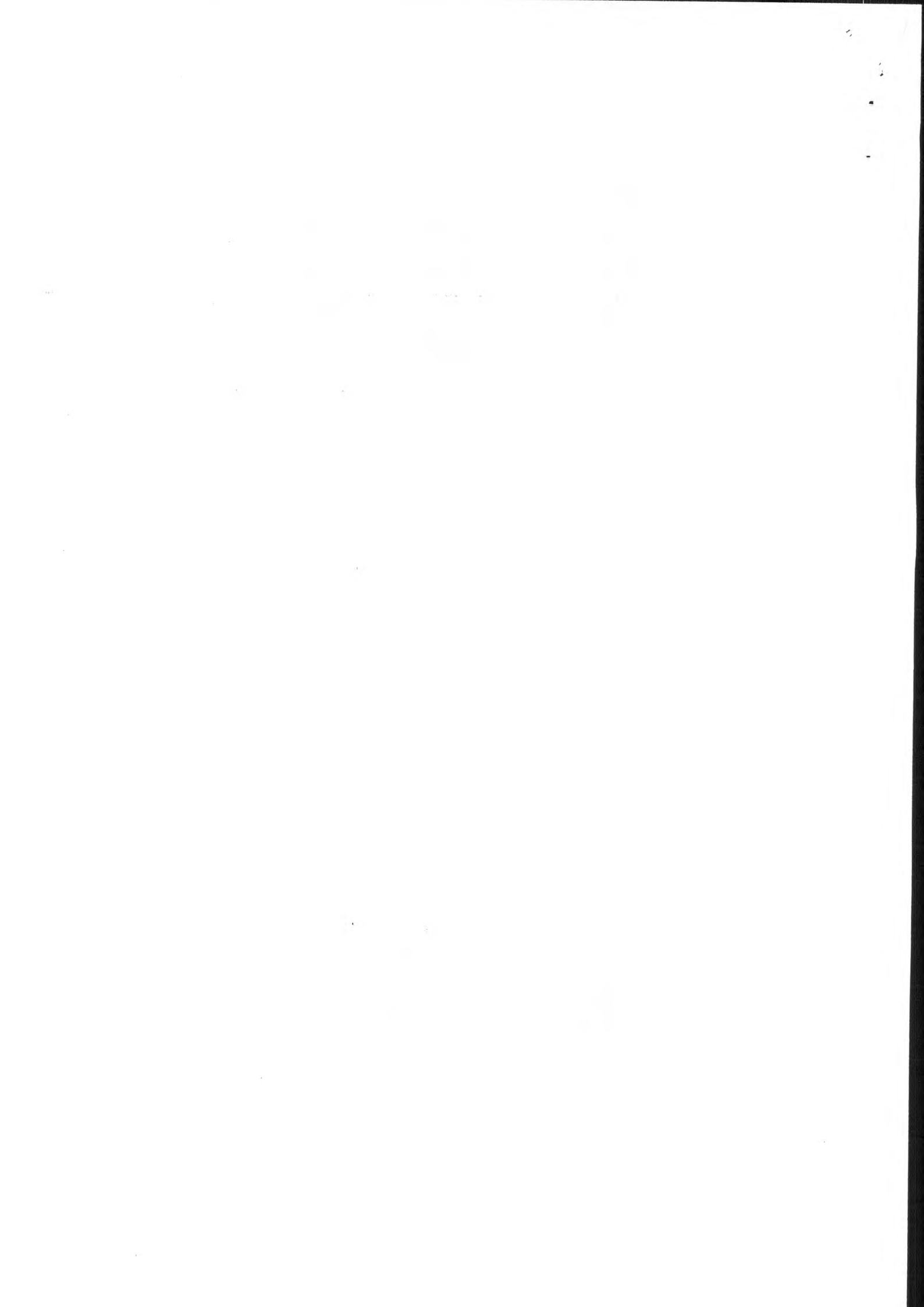




## 2.5. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Mức độ hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập trung bình 3.95/5, với gần 80% CB, GV hài lòng. Tiêu chí về phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt CDR có mức hài lòng trung bình thấp hơn các tiêu chí khác, ở mức 3.89/5. Phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng và đảm bảo độ tin cậy cao hơn một chút, ở mức 4/5. 80% GV của Học viện cơ bản hài lòng với phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá, trong đó tỉ lệ hoàn toàn hài lòng chỉ chiếm khoảng 20%.





Giảng viên ở một số ngành kiến nghị cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập để phát huy năng lực của người học hơn là chỉ đánh giá khả năng ghi nhớ kiến thức.

*Cần thay đổi cách đánh giá đối với người học, bởi đánh giá là khâu cuối cùng nhưng đồng thời phản ánh quá trình đào tạo.*

*... cần hoàn thiện chương trình đào tạo và phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá sinh viên. (GV ngành CTH)*

*Cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, loại trừ dần phương pháp kiểm tra, đánh giá buộc sinh viên phải học thuộc lòng (GV ngành CTH)*

*Cần thay đổi ngay cách thức kiểm tra đánh giá cho phù hợp với hình thức đào tạo tín chỉ và phát huy năng lực tự học của sinh viên (GV ngành CNXH)*

*Về phương thức đánh giá, cho phép giảng viên môn học đề xuất phương thức đánh giá phù hợp, nâng cao khả năng nghiên cứu, tác nghiệp của người học. (GV ngành XB)*

## 2.6. Chế độ chính sách đối với CB, GV, NV

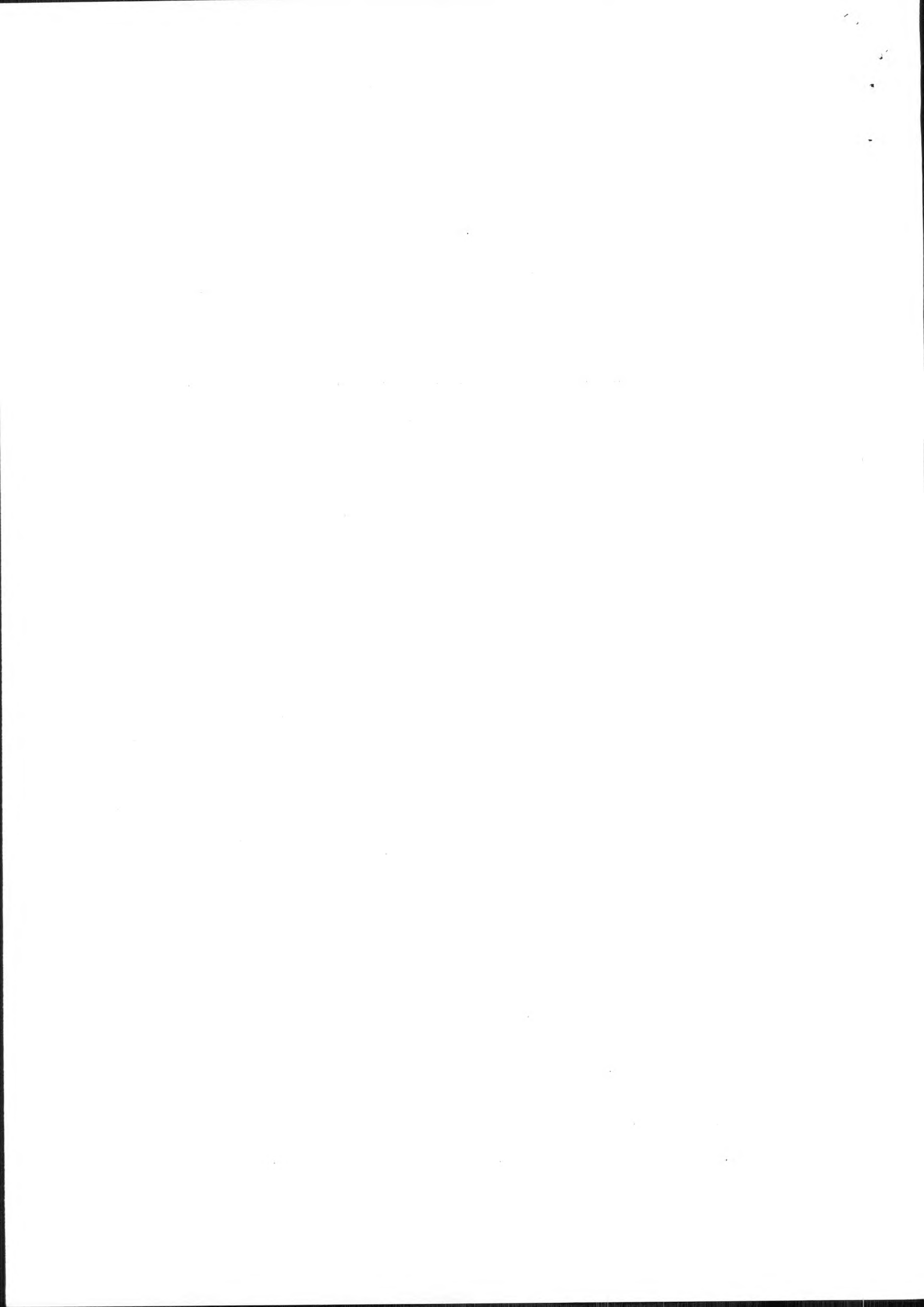
Chế độ chính sách đối với CB, GV được đánh giá ở mức 3.7/5 với 2/3 CB, GV hài lòng; đối với NV cao hơn một chút, ở mức 3.8/5 với trên 70% NV hài lòng.

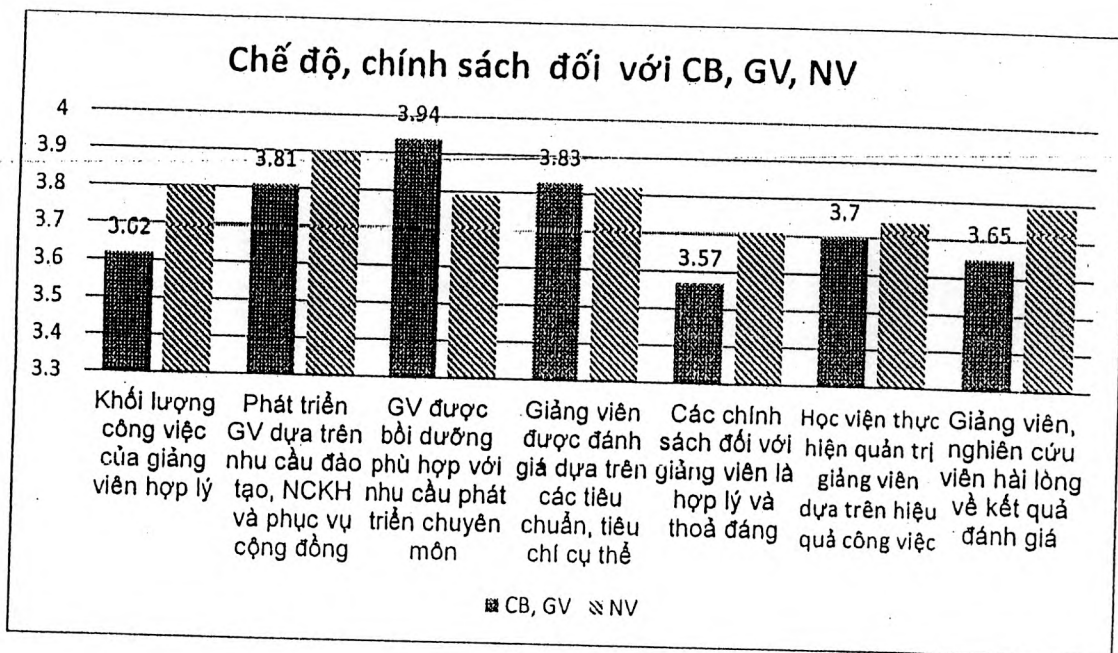
Trong các tiêu chí về đội ngũ cán bộ giảng viên thì CB, GV, NV hài lòng hơn với việc bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ (3.9/5), với 3/4 tổng số CB, GV, NV hài lòng. Các tiêu chí về khối lượng công việc, chính sách đối, đánh giá, khen thưởng, công nhận có mức hài lòng thấp hơn, đối với CB, GV ở mức 3.65/5, với khoảng 60% CB, GV hài lòng; với nhân viên ở mức 3.75 với trên 70% NV hài lòng.

\* Nhận xét kiến nghị:

*Giảm thiểu các công việc hành chính để GV có thể tập trung vào chuyên môn như công tác làm truyền thông, tuyển sinh, hợp hành, báo cáo, khảo thí, khảo sát, cố vấn học tập, duyệt tín chỉ và cần có bộ phận chuyên trách riêng.*

*Cần nâng cao chế độ đãi ngộ đối với giảng viên để có thể giữ chân được những giảng viên có trình độ; Quan tâm và nâng cao đời sống cho đội ngũ giảng viên phù hợp với hao phí chất xám....(Khoa NNPL)*





*Nâng cao phúc lợi cho giảng viên, giảm tải các công việc sự vụ không liên quan giảng dạy và nghiên cứu khoa học" (Khoa CNXH)*

*Quan tâm đến chế độ thù lao giờ giảng, hệ số giảng thực hành 0,6 là bất hợp lý, gây tâm lý bất ổn cho giảng viên.*

*Quan tâm chính sách cho giảng viên GDQP, hệ số thực hành không hợp lý. (Khoa Kiến thức đại cương)*

*Cần có chế độ phù hợp cho giảng viên nếu phải tham gia dạy vào buổi tối và ngày thứ bảy chủ nhật. Hoặc không xếp lớp học, xếp lịch thi vào buổi tối hoặc các ngày nghỉ cuối tuần (Khoa NN)*

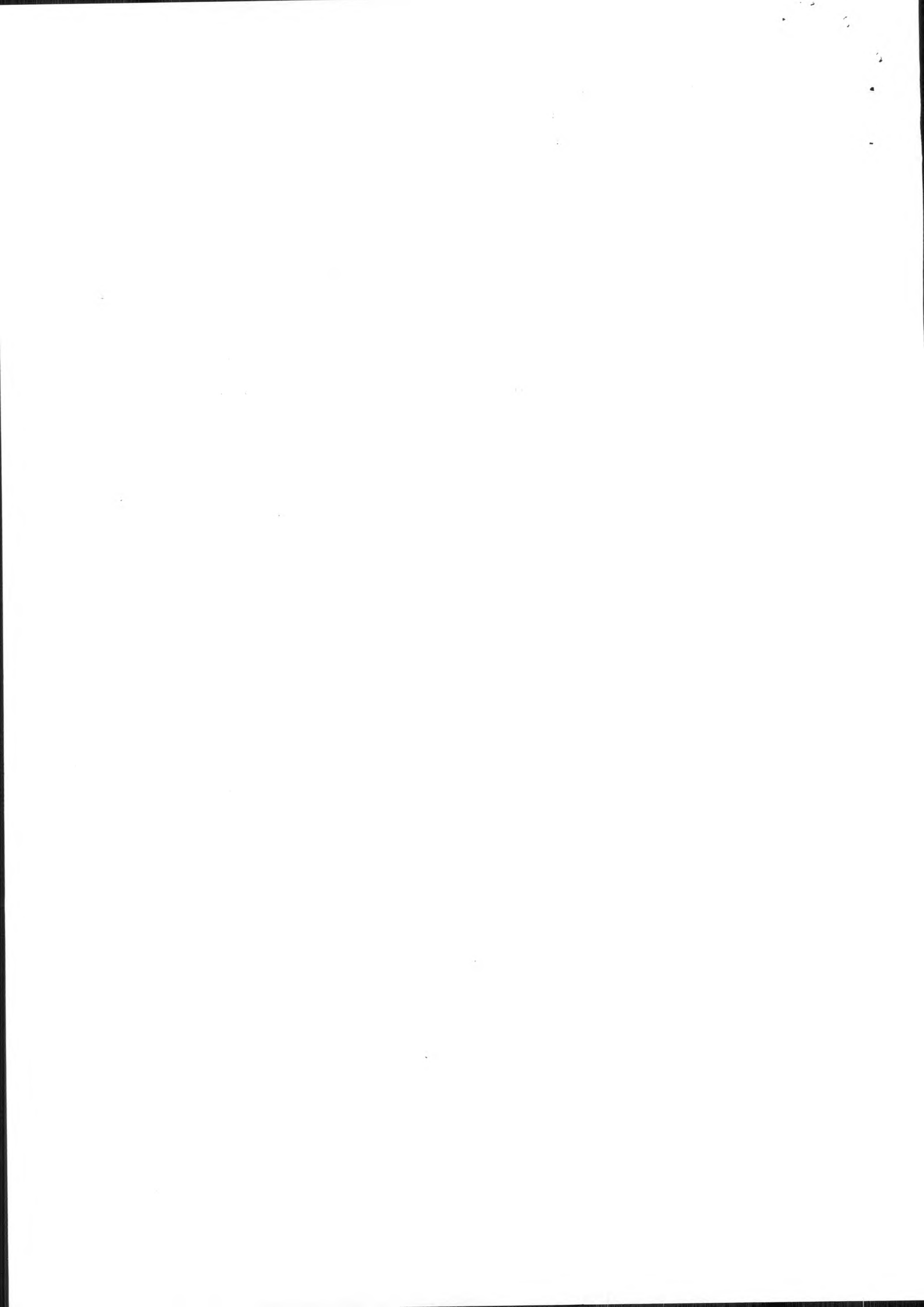
*Nâng giao chất lượng và bổ sung giảng viên;*

*Đề xuất giảng viên KO PHẢI làm công tác cố vấn học tập, duyệt tín chỉ... mà có một đội ngũ cố vấn học tập được tuyển dụng riêng cho vị trí này.*

*Cần giảm thiểu những công việc gián tiếp cho giảng viên (ví dụ như công tác tuyển sinh, công tác khảo sát việc làm của sinh viên...) để giảng viên có nhiều thời gian tập trung vào chất lượng giảng dạy;*

*Cần nâng cao chế độ đãi ngộ đối với giảng viên để có thể giữ chân được những giảng viên có trình độ;*

*Cần có cơ chế phối kết hợp giữa các bộ phận chức năng trong nhà trường để đảm bảo công việc được xuyên suốt, hanh thông; tránh việc gì cũng dồn về cho giảng viên thực hiện;*





Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần trả thù lao tăng thêm.

Tăng kinh phí dành cho đề tài khoa học, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ cho GV.

Có chính sách quan tâm hơn nữa đối với các nhân viên thuộc bộ phận tham mưu, phục vụ và hỗ trợ.

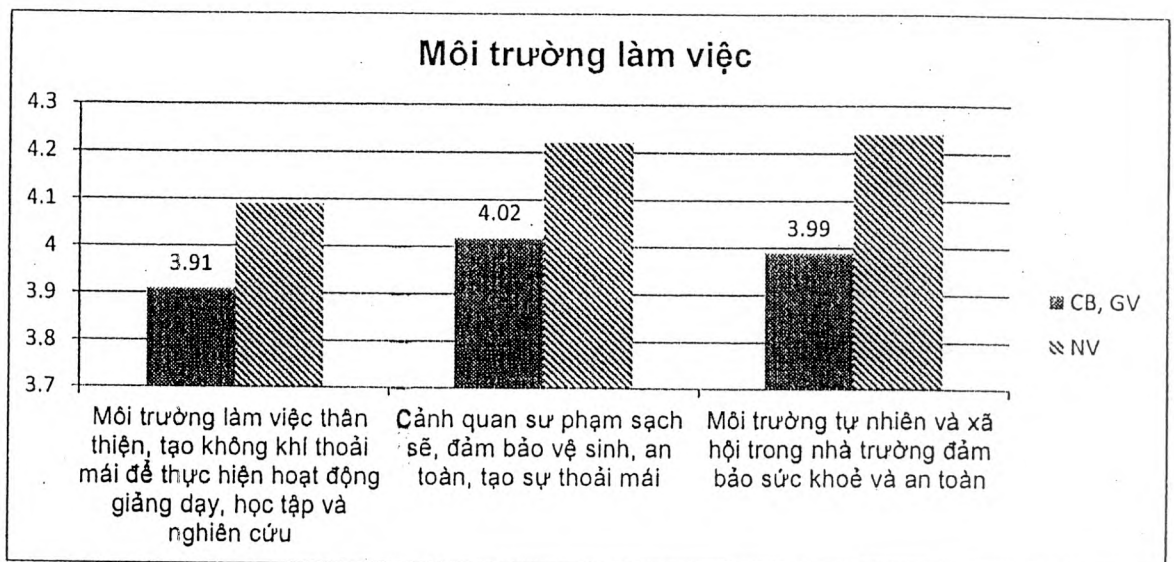
#### Chính sách:

Cần quy định rõ chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, các đơn vị phải nghiêm túc nắm bắt và thực hiện qui định đó. Không để xảy ra tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các đơn vị, tránh gây phiền hà cho người học.

Cần tăng cường chất lượng đội ngũ giảng viên; thái độ phục vụ của nhân viên; xem xét lại trách nhiệm của một số trưởng đơn vị trong việc lãnh đạo chỉ đạo đơn vị

#### 2.7. Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH

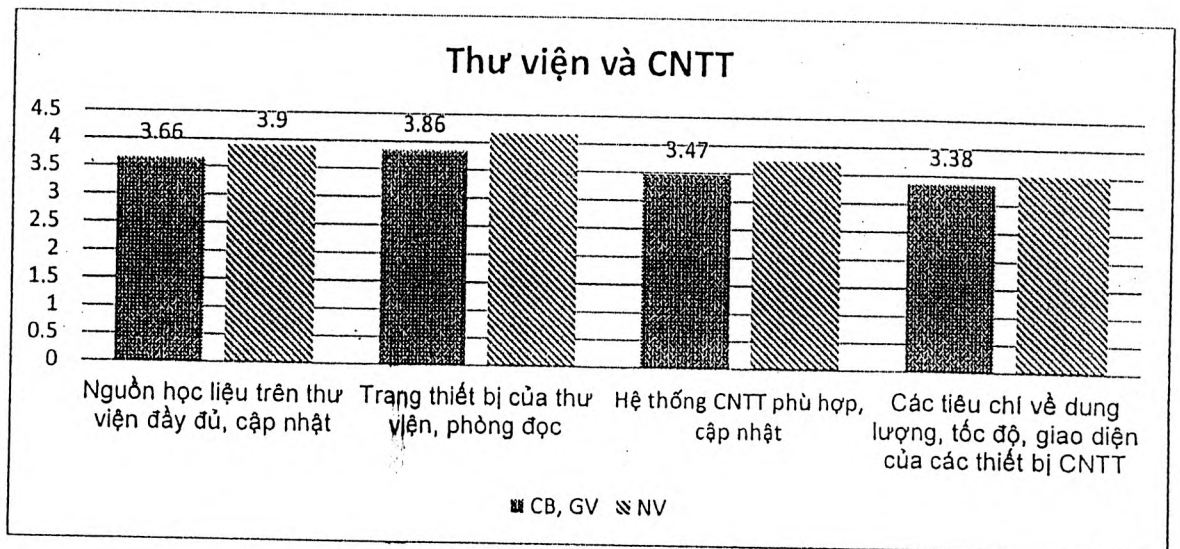
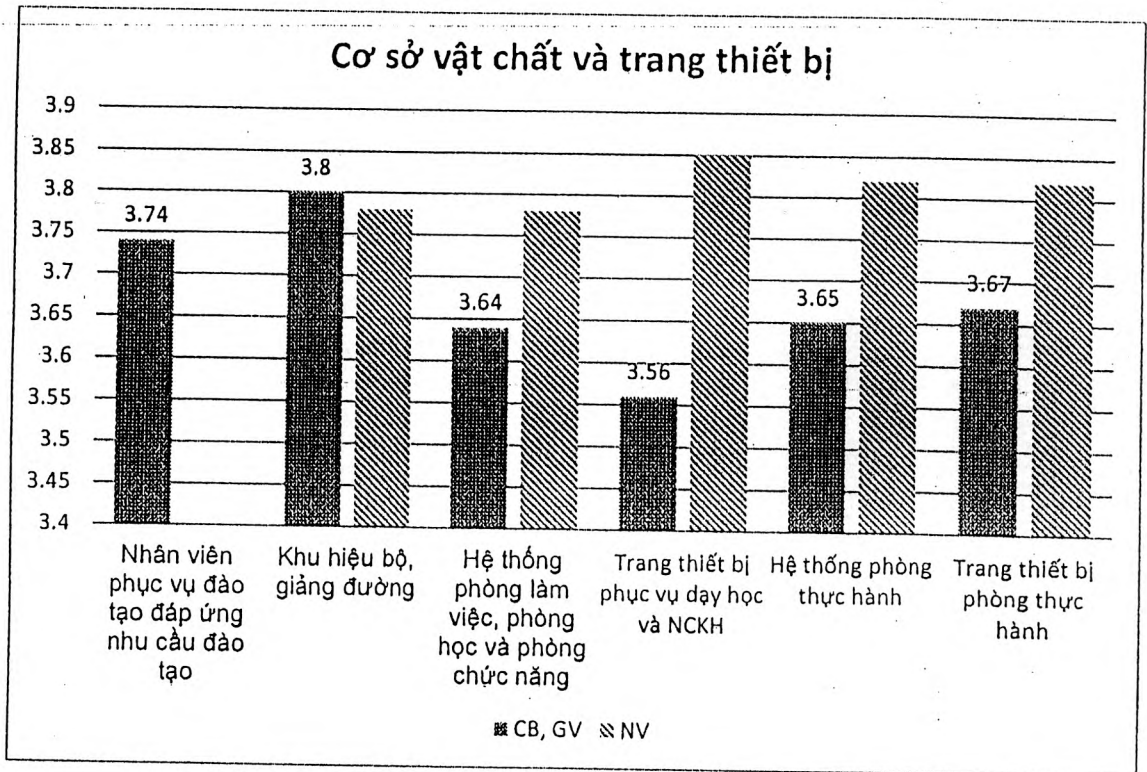
Mức độ hài lòng với cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo trung bình thấp hơn các tiêu chí khác. Môi trường làm việc được đánh giá ở mức 4/5, với khoảng 80% CB, GV, NV hài lòng. Nhân viên có mức hài lòng cao hơn CB, GV về môi trường làm việc.



Tiêu chí về hệ thống phòng làm việc và phòng thực hành; nguồn học liệu thư viện được đánh giá ở mức 3.6/5, với 60% CB, GV hài lòng. Tiêu chí về CNTT được

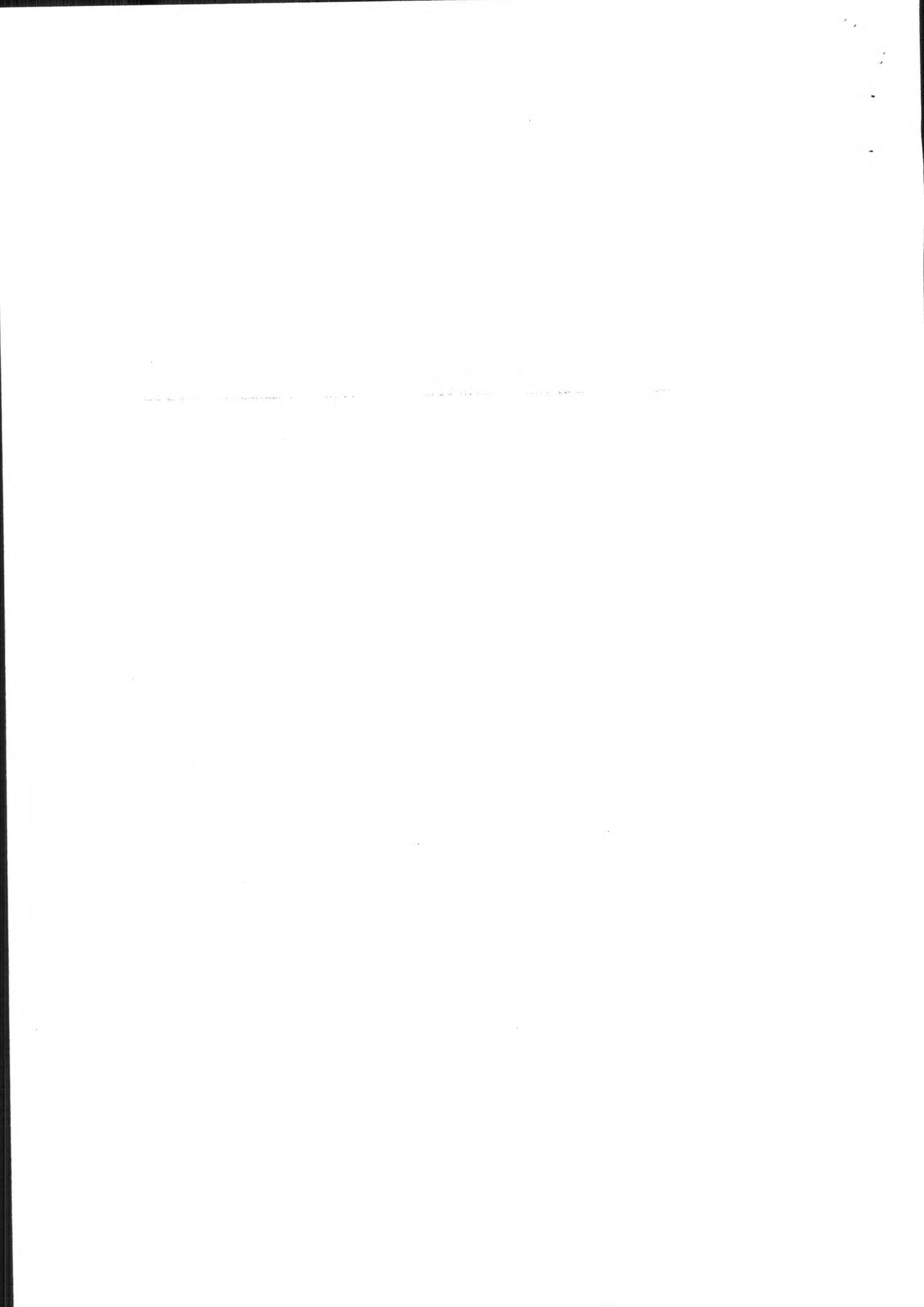


đánh giá thấp nhất, ở mức 3.4 với chỉ 50% GV hài lòng về cơ bản. Mức hài lòng của NV cao hơn CB, GV, ở mức 3.8/5 với 70% NV hài lòng



\* Kiến nghị của CB, GV, NV:

a) Tăng cường hệ thống CNTT: Nâng cao chất lượng hạ tầng mạng, đường truyền internet, và hệ thống CNTT; mua bản quyền các phần mềm học tập chuyên ngành



Cải thiện mạng wifi và tăng thêm phòng thực hành / thiết bị thực hành cho sinh viên (Ban HTQT)

Nâng cao dịch vụ vệ sinh phòng học và chất lượng đường truyền internet

Mạng internet chưa đồng đều các phòng học toàn trường, cần nâng cao chất lượng.

Cần trang bị internet diện rộng trên các giảng đường, dung lượng lớn, tốc độ nhanh

Mua bản quyền các phần mềm ứng dụng trong các môn tin học chuyên ngành

Hệ thống Wifi cần nhanh và rộng hơn, phủ sóng toàn Học viện để đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập, tránh tình trạng lúc có lúc không, rất chập chờn, giảng viên không thể thực hiện được tốt nhiệm vụ hoạt động dạy của mình.

Hệ thống wifi của trường không đáp ứng được cho việc áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, đặc biệt toà B5, B6 không có wifi. Wifi B1 thì yếu.

Đề nghị Ban Giám đốc quan tâm hơn nữa đến hạ tầng mạng của nhà trường. Cần phải có chiến lược phát triển CNTT và tầm nhìn dài hơn theo phương hướng phát triển của nhà trường. Xin cảm ơn.

b). Cải thiện hệ thống thư viện điện tử

Cần mua bản quyền để giảng viên và sinh viên tiếp cận với các tài liệu cả tiếng Việt và tiếng Anh phục vụ học tập, tự nghiên cứu;

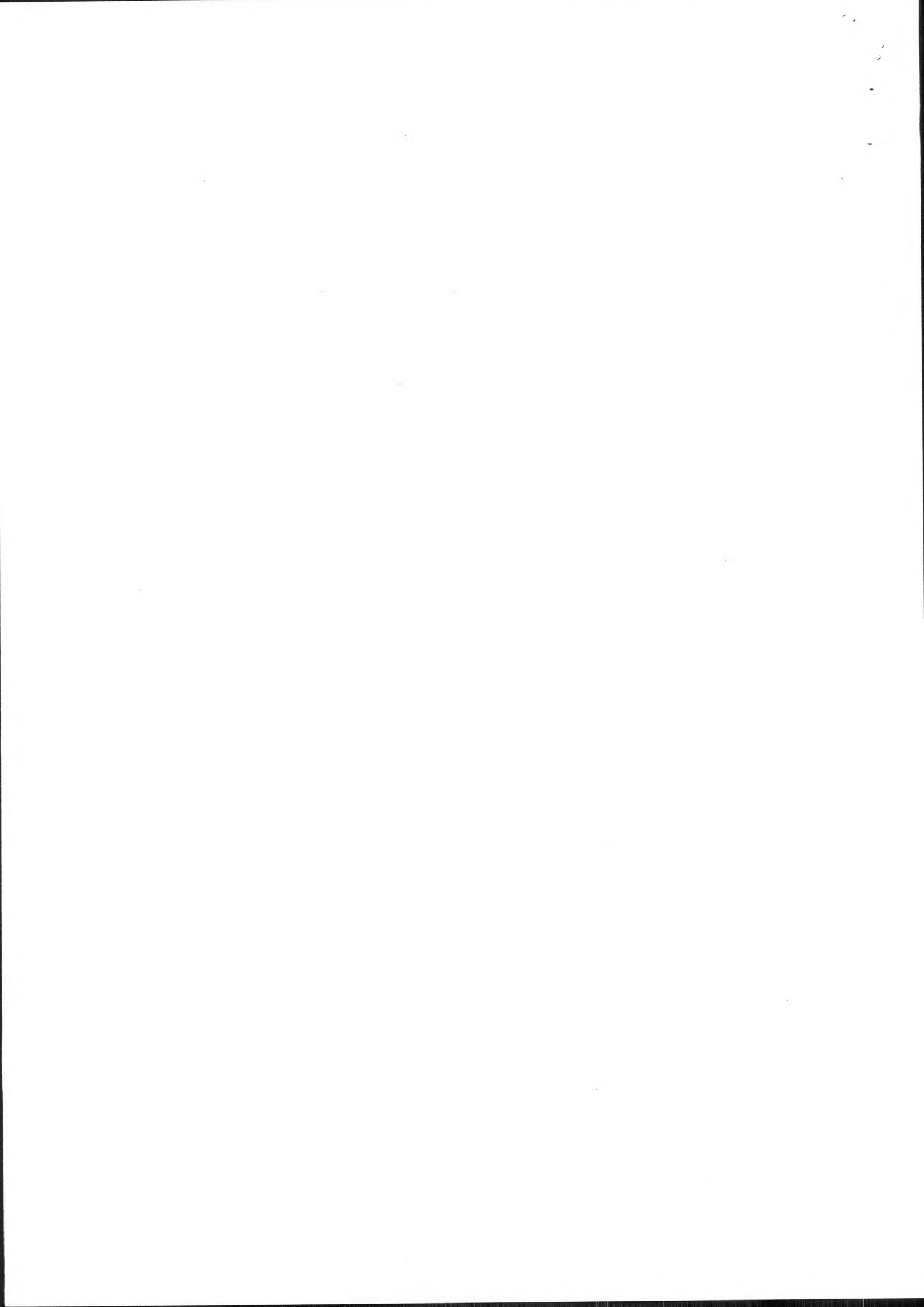
Kết nối thêm các thư viện điện tử cho giảng viên và sinh viên có thêm nguồn học liệu (Khoa KTĐC)

Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

c) Cải thiện cơ sở vật chất, phòng ốc, bàn ghế, trang thiết bị dạy học

Phòng làm việc cần được thông thoáng hơn vì những khi không có điều hoà rất bí. Phòng học của SV cần được sửa chữa kịp thời mỗi khi hỏng hóc vì có phòng quạt hỏng, bóng điện cháy, bong nền... tiến dần đến quản lý trên phần mềm thay cho việc cử người luân phiên đi ktra giờ giấc của gv và SV

Thay bàn ghế khu vực b5, b6. Cần phải có mic rời cầm tay cho gv và sv (Khoa CNXH)



*Đồng bộ hóa thiết bị hỗ trợ dạy và học trong các phòng học: máy chiếu tốt, loa chất lượng âm thanh tốt để nghe và xem video trong dạy học ngoại ngữ ;. (Khoa NN)*

*Thiết bị như hệ thống loa, micro, projector + màn hình, quạt, bóng đèn cần được sửa chữa và thay mới kịp thời.*

*Thay đổi bàn ghế cho phù hợp với không gian đào tạo đại học. (Khoa PTH)*

*Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.*

*Bố trí lại máy chiếu trong các phòng học, nâng cấp cơ sở hạ tầng như điện, nước, hệ thống âm thanh, dây cáp nối, mic*

*Cần tăng cường trang bị kỹ thuật và cải thiện điều kiện sinh hoạt, học tập cho sinh viên ở Ký túc xá (nhất là tăng cường cung ứng dịch vụ Internet, nâng cấp nhà ăn sinh viên);*

*Rà soát và cải thiện các thiết bị giảng dạy trên giảng đường;*

*Học viện cần xây dựng lộ trình cải tiến các điều kiện đảm bảo chất lượng dựa trên nguồn lực tài chính, đội ngũ hiện có.*

### **III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

#### **3.1. Kết luận**

Kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo cho thấy, mức hài lòng trung bình với chất lượng đào tạo là 4/5. Trong số các tiêu chí đánh giá, CĐR, nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và môi trường làm việc có mức hài lòng trung bình cao hơn, quanh mức 4.0/5. Các tiêu chí về chế độ chính sách đối với giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo được đánh giá thấp hơn, ở mức 3.7/5.

#### **3.2. Khuyến nghị**

##### **a). Đối với Khoa đào tạo**

Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.

Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên, thực hiện đánh giá chính xác hơn dựa trên năng lực, trình độ của giảng viên.

##### **b). Đối với Học viện**

*Đào tạo và NCKH*





Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV và để nâng cao năng lực GV.

Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.

Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.

Tăng kinh phí dành cho thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

*Cơ sở vật chất:*

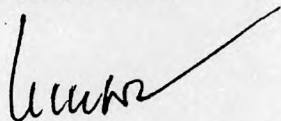
Nâng cấp hệ thống wifi, tăng dung lượng, tốc độ, độ phủ của wifi trong các giảng đường, phòng học nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.

Tăng cường kết nối thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.

Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

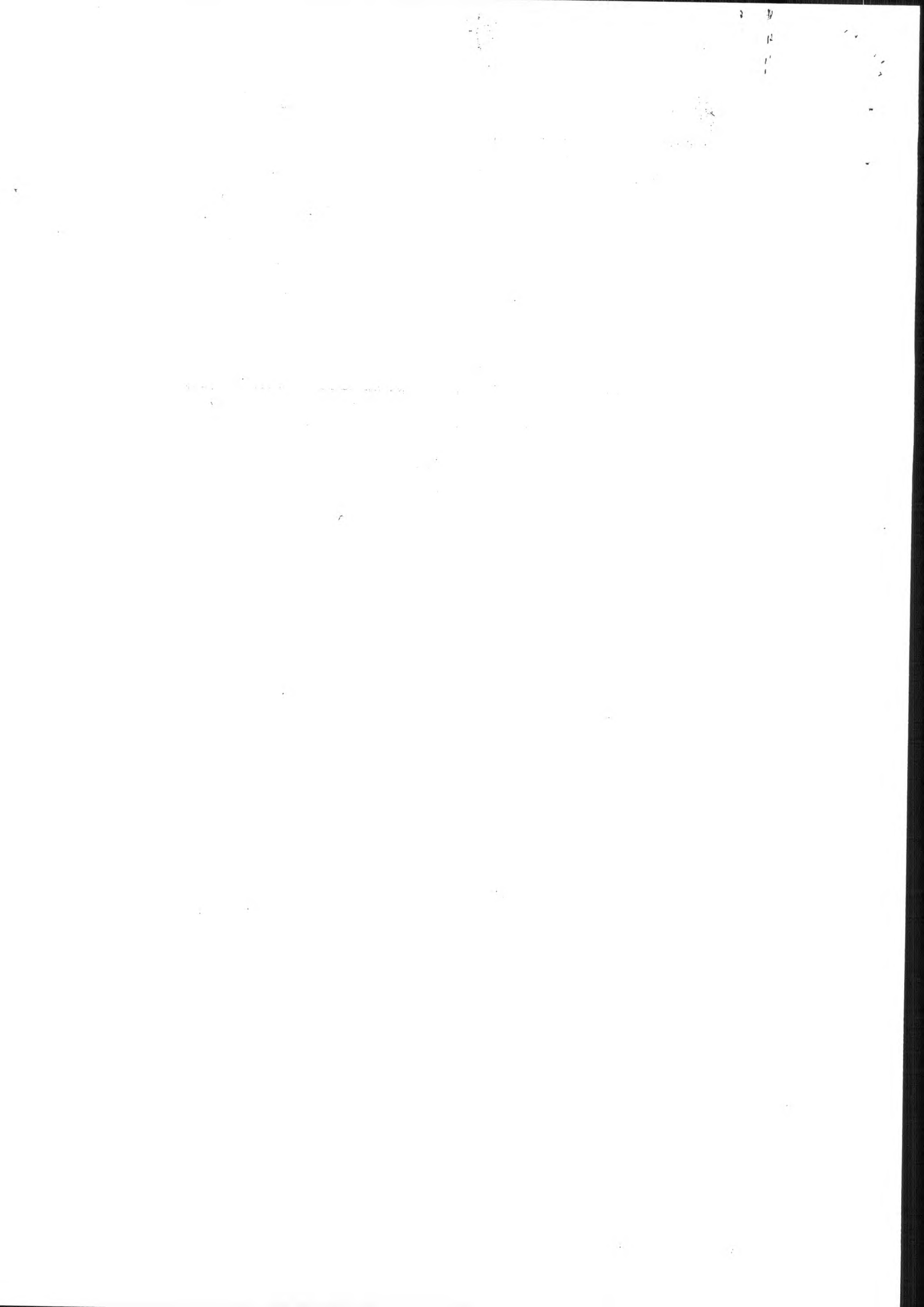


**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**  
Số lượng gv phản hồi: 160

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	1.9	3.1	10.1	56.6	28.3	84.9	4.06
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.6	3.2	16.0	58.3	21.8	80.1	3.97
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	1.3	3.2	13.3	59.5	22.8	82.3	3.99
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	1.9	2.5	8.9	50.3	36.3	86.6	4.17
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	1.9	4.4	7.6	51.9	34.2	86.1	4.12
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	1.3	3.2	11.5	51.6	32.5	84.1	4.11
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	1.9	3.8	21.7	46.5	26.1	72.6	3.91
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	1.3	3.8	14.6	54.4	25.9	80.4	4.00
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	1.3	3.8	15.2	57.0	22.8	79.7	3.96
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	1.9	3.2	10.1	60.1	24.7	84.8	4.03
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	1.9	2.5	7.0	43.0	45.6	88.6	4.28
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	2.5	2.5	12.1	45.9	36.9	82.8	4.12
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	1.3	6.3	17.1	57.0	18.4	75.3	3.85
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	1.9	3.8	15.2	49.4	29.7	79.1	4.01
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	2.5	2.5	11.4	58.2	25.3	83.5	4.01
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	2.5	3.2	13.3	57.6	23.4	81.0	3.96
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	1.9	3.2	27.2	46.2	21.5	67.7	3.82
<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	1.9	5.7	13.3	59.5	19.6	79.1	3.89

21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	1.3	5.7	14.6	49.0	29.3	78.3	3.99
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	1.9	3.8	13.9	57.0	23.4	80.4	3.96
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	2.5	6.3	28.9	50.9	11.3	62.3	3.62
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.6	5.0	24.5	52.2	17.6	69.8	3.81
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	1.3	6.9	13.2	53.5	25.2	78.6	3.94
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	1.3	3.8	22.6	55.3	17.0	72.3	3.83
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	2.5	9.4	27.0	50.3	10.7	61.0	3.57
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v. ) dựa trên hiệu quả công việc	2.5	5.7	25.2	52.8	13.8	66.7	3.70
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	3.1	4.4	31.4	45.9	15.1	61.0	3.65
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	1.3	3.1	27.7	56.0	11.9	67.9	3.74
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	1.3	4.4	18.9	52.8	22.6	75.5	3.91
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.6	7.5	22.0	50.9	18.9	69.8	3.80
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	1.3	4.4	11.9	49.1	33.3	82.4	4.09
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.6	9.4	30.2	44.7	15.1	59.7	3.64
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.6	8.8	32.1	50.9	7.5	58.5	3.56
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.6	4.4	32.1	54.1	8.8	62.9	3.66
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	1.9	2.5	20.1	58.5	17.0	75.5	3.86
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	1.9	5.0	30.8	50.9	11.3	62.3	3.65
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.6	5.0	32.1	50.9	11.3	62.3	3.67

40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	1.3	11.9	34.0	44.7	8.2	52.8	3.47
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	1.3	13.8	37.7	39.6	7.5	47.2	3.38
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	1.3	3.1	12.6	61.0	22.0	83.0	3.99

### VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

Nâng cao phúc lợi cho giảng viên, giảm tải các công việc sự vụ không liên quan giảng dạy và nghiên cứu khoa học

Thay bàn ghế khu vực b5, b6. Cần phải có mic rời cầm tay cho gv và sv

Tiếp tục ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào quản lý đào tạo

Quan tâm đến chế độ thù lao giờ giảng, hệ số giảng thực hành 0,6 là bất hợp lý, gây tâm lí bất ổn cho giảng viên.

Cần trang bị đầy đủ các trang thiết bị phòng tập cho môn GDTC

Quan tâm chính sách cho giảng viên GDQP, hệ số thực hành không hợp lý.

Kết nối thêm các thư viện điện tử cho giảng viên và sinh viên có thêm nguồn học liệu

Đồng bộ hóa thiết bị hỗ trợ dạy và học trong các phòng học: máy chiếu tốt, loa chất lượng âm thanh tốt để nghe và xem video trong dạy học ngoại ngữ; Cần trang bị internet diện rộng trên các giảng đường, dung lượngj lớn, tốc độ nhanh.

Cần có chế độ phù hợp cho giảng viên nếu phải tham gia dạy vào buổi tối và ngày thứ bảy chủ nhật. Hoặc không xếp lớp học, xếp lịch thi vào buổi tối hoặc các ngày nghỉ cuối tuần

Thiết bị như hệ thống loa, micro, projector +màn hình, quạt, bóng đèn cần được sửa chữa và thay mới kịp thời.

Nâng giao chất lượng và bổ sung giảng viên;

Tăng cường cơ sở vật chất cho nghiên cứu và giảng dạy;

Quan tâm và nâng cao đời sống cho đội ngũ giảng viên phù hợp với hao phí chất xám....

Cần phối hợp chặt chẽ thông tin, quy trình xử lý thông tin giữa các phòng ban và khoa.

Thay đổi bàn ghế cho phù hợp với không gian đào tạo đại học.

Đề xuất giảng viên KO PHẢI làm công tác cố vấn học tập, duyệt tín chỉ... mà có một đội ngũ cố vấn học tập được tuyển dụng riêng cho vị trí này

- Cần giảm thiểu những công việc gián tiếp cho giảng viên (ví dụ như công tác tuyển sinh, công tác khảo sát việc làm của sinh viên...) để giảng viên có nhiều thời gian tập trung vào chất lượng giảng dạy;
- Cần nâng cao chế độ đãi ngộ đối với giảng viên để có thể giữ chân được những giảng viên có trình độ;
- Cần có cơ chế phối kết hợp giữa các bộ phận chức năng trong nhà trường để đảm bảo công việc được xuyên suốt, hanh thông; tránh việc gi cũng dồn về cho giảng viên thực hiện;

Mạng internet chưa đồng đều các phòng học toàn trường, cần nâng cao chất lượng.

Đầu tư thêm về phương tiện kỹ thuật. Hiện một số phòng học, máy chiếu trực trực.

Tốc độ wifi chậm, không ổn định.

Có sự tham gia đánh giá của các nhà tuyển dụng trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo

Cần sử dụng các loại bàn ghế linh hoạt hơn

Tăng cường đào tạo đưa sinh viên đi thực tế

Học viện cần cải tiến nhằm nâng cao chất lượng mạng internet và công nghệ thông tin để phục vụ tốt hơn cho giảng dạy, học tập và làm việc!

Quan tâm hơn đến khâu đánh giá hiệu quả học tập và làm việc

- Cần chú trọng hơn đến đội ngũ giảng viên; bởi chất lượng giảng viên góp phần quyết định đến chất lượng đào tạo.
- Cần thay đổi cách đánh giá đối với người học, bởi đánh giá là khâu cuối cùng nhưng đồng thời phản ánh quá trình đào tạo.

Nâng cao chất lượng đường truyền mạng internet, thủ tục hành chính cần đơn giản hoá hơn nữa tạo điều kiện cho giảng viên.

- Hệ thống âm thanh và ánh sáng tại các phòng học chưa tốt (phòng thì sáng quá, phòng học nếu tắt đèn đi để đủ ánh sáng cho máy chiếu thì sinh viên dễ ngủ gật vì phòng học tối quá)
- Bàn ghế còn nặng khiến việc kê, di chuyển bàn ghế cho các hoạt động gây ảnh hưởng tới các lớp xung quanh

Cần mua bản quyền để giảng viên và sinh viên tiếp cận với các tài liệu cả tiếng Việt và tiếng Anh phục vụ học tập, tự nghiên cứu; các phần mềm ứng dụng trong các môn tin học chuyên ngành. Mạng internet cần tăng tốc độ và cho phép sử dụng ở các phòng học để tiện lợi cho việc dạy-học tích cực. Cần thay thế các thiết bị hỗ trợ giảng dạy đã cũ (micro)....

Đầu tư thêm thiết bị vật chất, hạ tầng hiện đại

Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy học cho các đối tượng

Rất hài lòng

gắn lý luận với thực tiễn trong chương trình đào tạo

Cần tăng cường trang bị kỹ thuật và cải thiện điều kiện sinh hoạt, học tập cho sinh viên ở Ký túc xá (nhất là tăng cường cung ứng dịch vụ Internet, nâng cấp nhà ăn sinh viên);

Rà soát và cải thiện các thiết bị giảng dạy trên giảng đường;

Quan tâm hơn nữa chế độ khuyến khích nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên (nhất là ưu tiên biên soạn giáo trình)

Bố trí lại máy chiếu trong các phòng học, nâng cấp cơ sở hạ tầng như điện, nước, hệ thống âm thanh, dây cáp nối, mic

Cần đầu tư nhiều hơn cả về số lượng và đào tạo thường xuyên cho giảng viên

Với ngành báo chí cần tăng giờ thực hành, ví dụ học mỗi thể loại tin, phóng sự, phỏng vấn... cần có thời gian làm hai bài, sau mỗi bài các giảng viên phải trả bài, nhận xét từng bài trên lớp để các em rút kinh nghiệm.

Việc chỉ làm một bài nộp vào cuối thời gian học mỗi môn và không trả trên lớp như hiện nay khiến các em biết điểm qua mạng mà không biết mình còn yếu mặt nào để khắc phục sẽ làm hạn chế kết quả đào tạo.

Nâng cao kinh phí nghiên cứu khoa học.

nâng cao học tập thực hành để tận dụng sự sáng tạo ở sinh viên

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHÂN VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NĂM 2019**

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	1.3	6.4	19.2	56.4	16.7	73.1	3.81
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	6.4	20.5	50.0	23.1	73.1	3.90
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	1.3	9.0	17.9	52.6	19.2	71.8	3.79
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	2.6	7.7	12.8	59.0	17.9	76.9	3.82
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoả đáng	1.3	10.3	16.7	60.3	11.5	71.8	3.71
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	2.6	7.7	20.5	51.3	17.9	69.2	3.74
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	1.3	9.0	17.9	52.6	19.2	71.8	3.79
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	5.1	17.9	47.4	29.5	76.9	4.01
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	1.3	2.6	15.4	47.4	33.3	80.8	4.09
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	1.3	5.1	25.6	50.0	17.9	67.9	3.78
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	1.3	3.8	7.7	46.2	41.0	87.2	4.22
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	1.3	7.7	21.8	50.0	19.2	69.2	3.78
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	6.4	20.5	55.1	17.9	73.1	3.85
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	6.4	21.8	47.4	24.4	71.8	3.90
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	3.8	14.1	43.6	38.5	82.1	4.17
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	7.7	24.4	46.2	21.8	67.9	3.82

39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	7.7	17.9	59.0	15.4	74.4	3.82
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	1.3	7.7	23.1	51.3	16.7	67.9	3.74
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	3.8	11.5	24.4	47.4	12.8	60.3	3.54
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	3.8	9.0	46.2	41.0	87.2	4.24

### VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

cải thiện mạng wifi và tăng thêm phòng thực hành / thiết bị thực hành cho sinh viên

Nâng cao dịch vụ vệ sinh phòng học và chất lượng đường truyền internet

1. Cần có cơ chế sàng lọc giảng viên.

2. Đổi mới mạnh mẽ về tư duy dạy học: chuyển từ dạy kiến thức sang rèn luyện kỹ năng, phương pháp. Điều này phải được thể hiện ngay trong xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo.

Tuyển thêm đội ngũ giảng viên, sửa chữa nâng cấp phòng học để có sức chứa đáp ứng các môn học ghép.

Đề nghị tăng thời gian đi thực tập, thực tế

Số lượng và chất lượng giảng viên cần được quan tâm

- Cần quy định rõ chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, các đơn vị phải nghiêm túc nắm bắt và thực hiện qui định đó. Không để xảy ra tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các đơn vị, tránh gây phiền hà cho người học.

Cần tăng cường chất lượng đội ngũ giảng viên; thái độ phục vụ của nhân viên; xem xét lại trách nhiệm của một số trường đơn vị trong việc lãnh đạo chỉ đạo đơn vị

1. Cần có giải pháp "lôi kéo" sinh viên nhiệt tình đến lớp đúng giờ, chú ý tiếp thu bài giảng; tự giác lên thư viện đọc tài liệu.

2. Bên cạnh trang bị kiến thức nghề nghiệp thì giảng viên, nhân viên cần quan tâm đến giáo dục nhân cách sinh viên thể hiện ở thái độ chuẩn mực trong giao tiếp và phong cách, trang phục cũng như sinh hoạt văn minh ở trường và nơi sinh sống.

3. Có chính sách quan tâm hơn nữa đối với các nhân viên thuộc bộ phận tham mưu, phục vụ và hỗ trợ.

4. Đội ngũ ban chủ nhiệm khoa, cố vấn học tập, ban cán sự lớp cần làm tốt hơn nữa vai trò và nhiệm vụ của mình trong việc hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên trong học tập và rèn luyện.

Học viện cần xây dựng lộ trình cải tiến các điều kiện đảm bảo chất lượng dựa trên nguồn lực tài chính, đội ngũ hiện có.

Các chương trình đào tạo hợp lý với thực tiễn.

Cần phải quản lý cách ăn mặc của học viên sinh viên cho đúng mực hiện nay học viên sinh viên ăn mặc quá nóng bỏng khi lên lớp

tăng không gian làm việc cho cán bộ, giảng viên

Cần Bố trí các khu vực phòng học hợp lý, quy củ; trang thiết bị đồng bộ, đảm bảo chất lượng hơn; hệ thống mạng cần nâng cấp tốc độ đường truyền cao.

Đề nghị nhà trường mở rộng phòng phục vụ các lớp chất lượng cao; nâng cấp hệ thống mạng cho Thư viện; trang bị máy tính có cấu hình cao.

Không nên bố trí các lớp học trong khuôn viên thư viện, Thư viện cần hoạt động độc lập, tránh ồn ào, ảnh hưởng đến học tập, nghiên cứu của bạn đọc

Đề nghị Ban Giám đốc quan tâm hơn nữa đến hạ tầng mạng của nhà trường. Cần phải có chiến lược phát triển CNTT và tầm nhìn dài hơn theo phương hướng phát triển của nhà trường. Xin cảm ơn.

Phòng làm việc cần được thông thoáng hơn vì những khi không có điều hoà rất bí. Phòng học của SV cần được sửa chữa kịp thời mỗi khi hỏng hóc vì có phòng quạt hỏng, bóng điện cháy, bong nền... tiến dần đến quản lý trên phần mềm thay cho việc cử người luân phiên đi ktra giờ giấc của gv và SV

PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Lưu Văn An

TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT



TS. Nguyễn Thị Hương



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**  
**Khoa: Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm**  
**Số lượng gv phản hồi:09**

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	11.1	44.4	44.4	88.9	4.33
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	22.2	44.4	33.3	77.8	4.11
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	11.1	55.6	33.3	88.9	4.22
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	11.1	22.2	66.7	88.9	4.56
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	44.4	55.6	100.0	4.56
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.33
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	87.5	4.25
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	11.1	0.0	55.6	33.3	88.9	4.11
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	11.1	22.2	44.4	22.2	66.7	3.78
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	11.1	55.6	33.3	88.9	4.22
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	11.1	44.4	44.4	88.9	4.33
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	11.1	0.0	33.3	55.6	88.9	4.33
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	11.1	0.0	44.4	44.4	88.9	4.22
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	22.2	11.1	66.7	77.8	4.44
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	22.2	22.2	55.6	77.8	4.33
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	11.1	55.6	33.3	88.9	4.22
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	22.2	44.4	33.3	77.8	4.11
<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							

20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	11.1	66.7	22.2	88.9	4.11	
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	11.1	66.7	22.2	88.9	4.11	
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	11.1	77.8	11.1	88.9	4.00	
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>								
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	0.0	11.1	66.7	22.2	88.9	4.11	
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	11.1	44.4	44.4	88.9	4.33	
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	33.3	22.2	44.4	66.7	4.11	
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.00	
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	11.1	22.2	44.4	22.2	66.7	3.78	
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	22.2	55.6	22.2	77.8	4.00	
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	44.4	22.2	33.3	55.6	3.89	
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>								
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	11.1	77.8	11.1	88.9	4.00	
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.33	
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	11.1	55.6	33.3	88.9	4.22	
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	100.0	4.67	
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	11.1	44.4	44.4	88.9	4.33	
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	22.2	66.7	11.1	77.8	3.89	
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	33.3	44.4	22.2	66.7	3.89	
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	22.2	11.1	66.7	77.8	4.44	
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	22.2	55.6	22.2	77.8	4.00	

39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	11.1	77.8	11.1	88.9	4.00
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	44.4	33.3	22.2	55.6	3.78
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	55.6	22.2	22.2	44.4	3.67
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	0.0	55.6	44.4	100.0	4.44

**VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo**

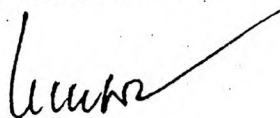
Quan tâm đến chế độ thù lao giờ giảng, hệ số giảng thực hành 0,6 là bất hợp lý, gây tâm lý bất ổn cho giảng viên.

Cần trang bị đầy đủ các trang thiết bị phòng tập cho môn GDTC

Quan tâm chính sách cho giảng viên GDQP, hệ số thực hành không hợp lý.

Kết nối thêm các thư viện điện tử cho giảng viên và sinh viên có thêm nguồn học liệu

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Ngành: Báo chí  
Số lượng gv phản hồi: 27

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	7.4	11.1	40.7	40.7	81.5	4.15
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	3.7	11.1	55.6	29.6	85.2	4.11
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	3.7	11.1	59.3	25.9	85.2	4.07
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	3.7	3.7	40.7	51.9	92.6	4.41
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	11.1	18.5	18.5	51.9	70.4	4.11
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	7.4	11.1	37.0	44.4	81.5	4.19
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	3.7	33.3	37.0	25.9	63.0	3.85
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	7.4	11.1	33.3	48.1	81.5	4.22
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	7.4	11.1	40.7	40.7	81.5	4.15
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	7.4	7.4	48.1	37.0	85.2	4.15
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	3.7	3.7	14.8	29.6	48.1	77.8	4.15
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	3.7	3.7	18.5	29.6	44.4	74.1	4.07
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	11.1	18.5	55.6	14.8	70.4	3.74
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	7.4	11.1	40.7	40.7	81.5	4.15
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	3.7	3.7	3.7	48.1	40.7	88.9	4.19
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	3.7	3.7	7.4	51.9	33.3	85.2	4.07
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	3.7	25.9	40.7	29.6	70.4	3.96
<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	3.7	3.7	3.7	55.6	33.3	88.9	4.11

21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	7.4	3.7	40.7	48.1	88.9	4.30
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	7.4	3.7	48.1	40.7	88.9	4.22
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	11.1	25.9	51.9	11.1	63.0	3.63
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	11.1	22.2	48.1	18.5	66.7	3.74
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	7.4	11.1	48.1	33.3	81.5	4.07
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	7.4	22.2	48.1	22.2	70.4	3.85
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoải mái	0.0	11.1	22.2	59.3	7.4	66.7	3.63
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	7.4	18.5	59.3	14.8	74.1	3.81
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	7.4	33.3	44.4	14.8	59.3	3.67
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	44.4	48.1	7.4	55.6	3.63
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	7.4	22.2	44.4	25.9	70.4	3.89
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	7.4	29.6	37.0	25.9	63.0	3.81
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	7.4	11.1	48.1	33.3	81.5	4.07
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	11.1	48.1	25.9	14.8	40.7	3.44
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	7.4	48.1	33.3	11.1	44.4	3.48
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	44.4	44.4	11.1	55.6	3.67
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	7.4	14.8	55.6	22.2	77.8	3.93
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	7.4	29.6	48.1	14.8	63.0	3.70
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	11.1	44.4	33.3	11.1	44.4	3.44

40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	11.1	37.0	44.4	7.4	51.9	3.48
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	11.1	40.7	40.7	7.4	48.1	3.44
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	7.4	7.4	51.9	33.3	85.2	4.11

### VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

Thay đổi bàn ghế cho phù hợp với không gian đào tạo đại học.

Đề xuất giảng viên KO PHẢI làm công tác cố vấn học tập, duyệt tín chỉ... mà có một đội ngũ cố vấn học tập được tuyển dụng riêng cho vị trí này

- Cần giảm thiểu những công việc gián tiếp cho giảng viên (ví dụ như công tác tuyển sinh, công tác khảo sát việc làm của sinh viên...) để giảng viên có nhiều thời gian tập trung vào chất lượng giảng dạy;
- Cần nâng cao chế độ đãi ngộ đối với giảng viên để có thể giữ chân được những giảng viên có trình độ;
- Cần có cơ chế phối kết hợp giữa các bộ phận chức năng trong nhà trường để đảm bảo công việc được xuyên suốt, hanh thông; tránh việc gì cũng dồn về cho giảng viên thực hiện;

Mạng internet chưa đồng đều các phòng học toàn trường, cần nâng cao chất lượng.

Cần đầu tư nhiều hơn cả về số lượng và đào tạo thường xuyên cho giảng viên

Với ngành báo chí cần tăng giờ thực hành, ví dụ học mỗi thể loại tin, phỏng vấn... cần có thời gian làm hai bài, sau mỗi bài các giảng viên phải trả bài, nhận xét từng bài trên lớp để các em rút kinh nghiệm.

Việc chỉ làm một bài nộp vào cuối thời gian học mỗi môn và không trả trên lớp như hiện nay khiến các em biết điem qua mạng mà không biết mình còn yếu mặt nào để khắc phục sẽ làm hạn chế kết quả đào tạo.

Nâng cao kinh phí nghiên cứu khoa học.

Nâng cao học tập thực hành để tận dụng sự sáng tạo ở sinh viên

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**





**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Ngành: Chính trị học  
Số lượng gv phản hồi: 25

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	4.0	20.0	52.0	24.0	76.0	3.96
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	8.0	16.0	48.0	28.0	76.0	3.96
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	8.0	8.0	56.0	28.0	84.0	4.04
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	8.0	8.0	56.0	28.0	84.0	4.04
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	4.0	4.0	72.0	20.0	92.0	4.08
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	91.7	4.17
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	4.2	0.0	12.5	58.3	25.0	83.3	4.00
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	4.2	20.8	62.5	12.5	75.0	3.83
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	4.2	20.8	58.3	16.7	75.0	3.88
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	8.3	12.5	62.5	16.7	79.2	3.88
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	4.2	0.0	58.3	37.5	95.8	4.29
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	4.2	8.3	54.2	33.3	87.5	4.17
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	8.3	25.0	50.0	16.7	66.7	3.75
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	4.2	12.5	58.3	25.0	83.3	4.04
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	4.2	16.7	58.3	20.8	79.2	3.96
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	8.3	16.7	54.2	20.8	75.0	3.88
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	4.2	29.2	50.0	16.7	66.7	3.79
<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	12.5	33.3	45.8	8.3	54.2	3.50

21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	8.3	33.3	37.5	20.8	58.3	3.71
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	4.2	25.0	50.0	20.8	70.8	3.88
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	4.0	48.0	40.0	8.0	48.0	3.52
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	4.0	40.0	48.0	8.0	56.0	3.60
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	8.0	20.0	64.0	8.0	72.0	3.72
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	8.0	20.0	64.0	8.0	72.0	3.72
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	8.0	36.0	48.0	8.0	56.0	3.56
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v. ) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	8.0	32.0	48.0	12.0	60.0	3.64
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	4.0	28.0	52.0	16.0	68.0	3.80
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	8.0	40.0	44.0	8.0	52.0	3.52
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	4.0	40.0	40.0	16.0	56.0	3.68
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	8.0	32.0	52.0	8.0	60.0	3.60
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	4.0	24.0	40.0	32.0	72.0	4.00
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	8.0	40.0	40.0	12.0	52.0	3.56
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	8.0	40.0	48.0	4.0	52.0	3.48
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	4.0	44.0	44.0	8.0	52.0	3.56
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	32.0	56.0	12.0	68.0	3.80
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	8.0	36.0	48.0	8.0	56.0	3.56
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	4.0	40.0	48.0	8.0	56.0	3.60
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	4.0	40.0	52.0	4.0	56.0	3.56

41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	12.0	40.0	44.0	4.0	48.0	3.40
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	28.0	52.0	20.0	72.0	3.92

**VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo**

Quan tâm hơn đến khâu đánh giá hiệu quả học tập và làm việc

- Cần chú trọng hơn đến đội ngũ giảng viên, bởi chất lượng giảng viên góp phần quyết định đến chất lượng đào tạo.
- Cần thay đổi cách đánh giá đối với người học, bởi đánh giá là khâu cuối cùng nhưng đồng thời phản ánh quá trình đào tạo.

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

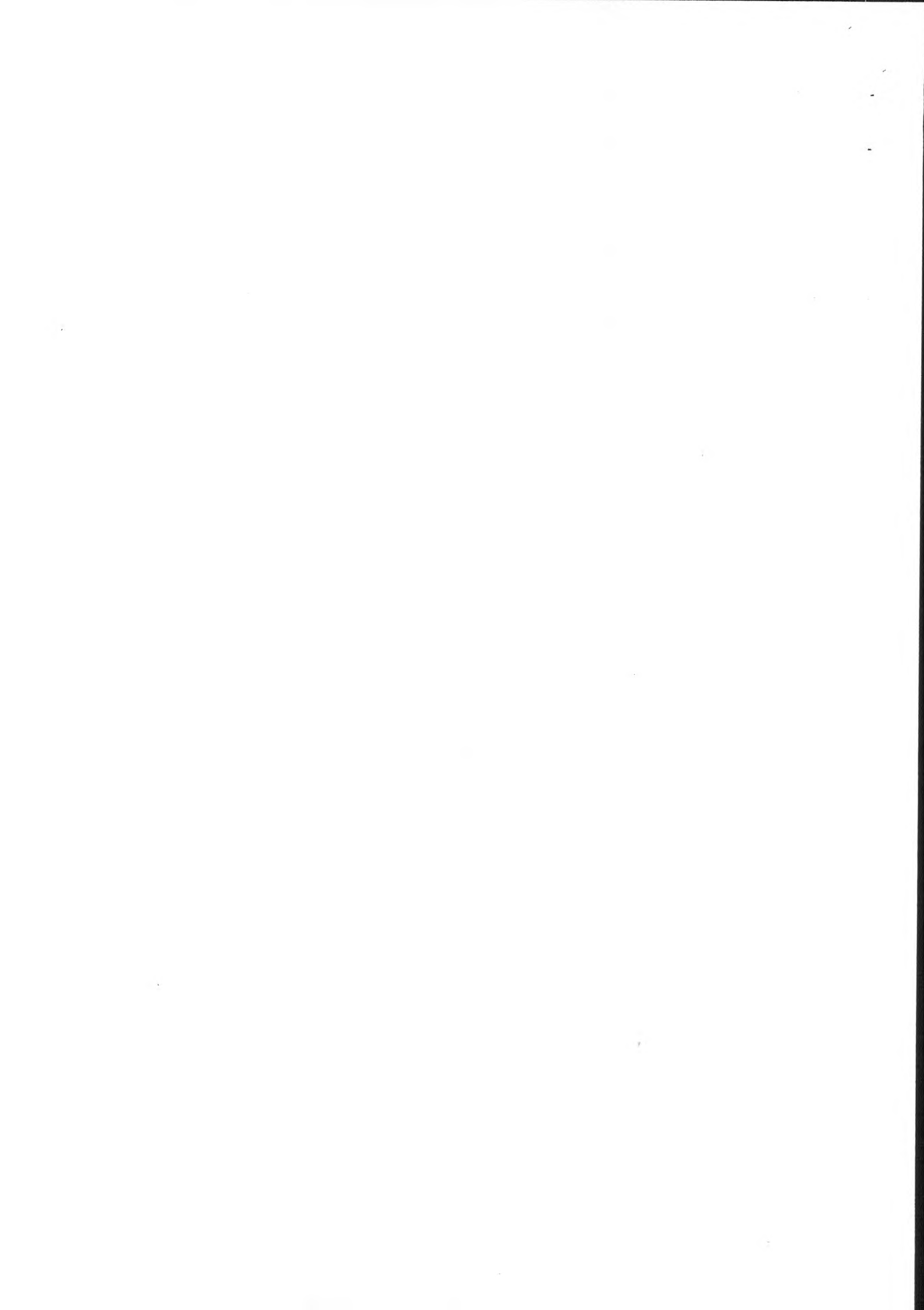


**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Ngành: Chủ nghĩa xã hội

Số lượng gv phản hồi: 6

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	83.3	4.00
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	66.7	3.83
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	83.3	4.00
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	16.7	16.7	66.7	83.3	4.50
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	16.7	16.7	66.7	83.3	4.50
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	16.7	33.3	50.0	83.3	4.33
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	16.7	33.3	0.0	50.0	50.0	3.83
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.50
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	100.0	4.67
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	16.7	33.3	50.0	83.3	4.33
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	100.0	4.67
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.50
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	16.7	0.0	66.7	16.7	83.3	3.83
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	33.3	0.0	66.7	66.7	4.33
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	83.3	4.00
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	66.7	3.83
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	33.3	0.0	33.3	33.3	66.7	3.67

<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	33.3	0.0	50.0	16.7	66.7	3.50
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	33.3	0.0	50.0	16.7	66.7	3.50
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	16.7	16.7	33.3	33.3	66.7	3.83
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	33.3	0.0	0.0	33.3	33.3	66.7	3.33
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	16.7	16.7	50.0	16.7	66.7	3.67
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	33.3	0.0	16.7	50.0	66.7	3.83
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	16.7	33.3	33.3	16.7	50.0	3.50
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	33.3	0.0	0.0	50.0	16.7	66.7	3.17
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v. ) dựa trên hiệu quả công việc	16.7	0.0	0.0	66.7	16.7	83.3	3.67
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	16.7	0.0	16.7	50.0	16.7	66.7	3.50
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	16.7	0.0	0.0	66.7	16.7	83.3	3.67
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	16.7	16.7	16.7	50.0	66.7	4.00
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	16.7	0.0	66.7	16.7	83.3	3.83
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.50
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	16.7	16.7	50.0	16.7	66.7	3.67
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	16.7	50.0	16.7	66.7	3.67
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	0.0	66.7	16.7	83.3	3.83

37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	16.7	0.0	66.7	16.7	83.3	3.83
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	83.3	4.00
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	66.7	3.83
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	16.7	16.7	33.3	16.7	16.7	33.3	3.00
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	50.0	16.7	16.7	33.3	3.33
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	100.0	4.17

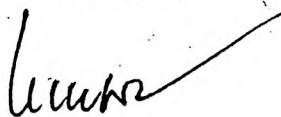
**VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo**

Nâng cao phúc lợi cho giảng viên, giảm tải các công việc sự vụ không liên quan giảng dạy và nghiên cứu khoa học

Thay bàn ghế khu vực b5, b6. Cần phải có mic rời cầm tay cho gv và sv

Tiếp tục ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào quản lý đào tạo

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**





**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Ngành: Công tác xã hội

Số lượng gv phản hồi: 12

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	16.7	75.0	8.3	83.3	3.92
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	8.3	8.3	83.3	0.0	83.3	3.75
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	8.3	58.3	33.3	91.7	4.25
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	91.7	4.17
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	91.7	4.17
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	8.3	75.0	16.7	91.7	4.08
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	50.0	33.3	16.7	50.0	3.67
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	16.7	58.3	25.0	83.3	4.08
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	16.7	58.3	25.0	83.3	4.08
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	91.7	4.17
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	8.3	41.7	50.0	91.7	4.42
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	16.7	25.0	58.3	83.3	4.42
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	66.7	3.83
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	25.0	41.7	33.3	75.0	4.08
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.33
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	8.3	58.3	33.3	91.7	4.25
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	66.7	3.83

<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>								
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	91.7	4.17	
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.33	
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	83.3	4.00	
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>								
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	0.0	58.3	33.3	8.3	41.7	3.50	
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.00	
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	91.7	4.17	
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	8.3	75.0	16.7	91.7	4.08	
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoải mái	0.0	8.3	41.7	41.7	8.3	50.0	3.50	
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	33.3	58.3	8.3	66.7	3.75	
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	41.7	50.0	8.3	58.3	3.67	
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>								
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	25.0	66.7	8.3	75.0	3.83	
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	91.7	4.17	
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	16.7	75.0	8.3	83.3	3.92	
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.33	
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	25.0	58.3	16.7	75.0	3.92	
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	41.7	58.3	0.0	58.3	3.58	
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	8.3	16.7	75.0	0.0	75.0	3.67	

37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	8.3	16.7	66.7	8.3	75.0	3.75
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	8.3	25.0	58.3	8.3	66.7	3.67
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	8.3	33.3	50.0	8.3	58.3	3.58
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	41.7	41.7	0.0	41.7	3.25
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	50.0	33.3	0.0	33.3	3.17
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	8.3	75.0	16.7	91.7	4.08

#### VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

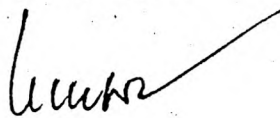
Nâng cao chất lượng đường truyền mạng internet, thủ tục hành chính cần đơn giản hơn nữa tạo điều kiện cho giảng viên.

- Hệ thống âm thanh và ánh sáng tại các phòng học chưa tốt (phòng thi sáng quá, phòng học nếu tắt đèn đi để đủ ánh sáng cho máy chiếu thi sinh viên dễ ngủ gật vì phòng học tối quá)

- Bàn ghế còn nặng khiến việc kê, di chuyển bàn ghế cho các hoạt động gây ảnh hưởng tới các lớp xung quanh

Cần mua bản quyền để giảng viên và sinh viên tiếp cận với các tài liệu cả tiếng Việt và tiếng Anh phục vụ học tập, tự nghiên cứu; các phần mềm ứng dụng trong các môn tin học chuyên ngành. Mạng internet cần tăng tốc độ và cho phép sử dụng ở các phòng học để tiện lợi cho việc dạy-học tích cực. Cần thay thế các thiết bị hỗ trợ giảng dạy đã cũ (micro)....

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Ngành: Kinh tế chính trị

Số lượng gv phản hồi: 10

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	10.0	40.0	50.0	90.0	4.40
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	20.0	70.0	10.0	80.0	3.90
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	10.0	90.0	0.0	90.0	3.90
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.40
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	10.0	60.0	30.0	90.0	4.20
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	10.0	90.0	0.0	90.0	3.90
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	30.0	60.0	10.0	70.0	3.80
<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90

21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	0.0	30.0	60.0	10.0	70.0	3.80
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	20.0	70.0	10.0	80.0	3.90
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	70.0	30.0	100.0	4.30
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	0.0	30.0	60.0	10.0	70.0	3.80
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v. ) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	30.0	60.0	10.0	70.0	3.80
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	30.0	40.0	30.0	70.0	4.00
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.40
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	40.0	20.0	60.0	3.80
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	40.0	20.0	60.0	3.80
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90

40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	10.0	30.0	50.0	10.0	60.0	3.60
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10

VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Lưu Văn An

TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT



TS. Nguyễn Thị Hương





**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Ngành: Kinh tế và Quản lý

Số lượng gv phản hồi: 10

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

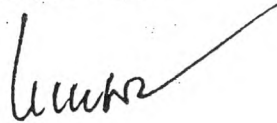
STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	10.0	40.0	50.0	90.0	4.40
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	20.0	70.0	10.0	80.0	3.90
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	10.0	90.0	0.0	90.0	3.90
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.40
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	10.0	60.0	30.0	90.0	4.20
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	10.0	90.0	0.0	90.0	3.90
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	30.0	60.0	10.0	70.0	3.80

<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>								
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90	
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00	
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00	
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>								
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	0.0	30.0	60.0	10.0	70.0	3.80	
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	20.0	70.0	10.0	80.0	3.90	
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	70.0	30.0	100.0	4.30	
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00	
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoả đáng	0.0	0.0	30.0	60.0	10.0	70.0	3.80	
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	30.0	60.0	10.0	70.0	3.80	
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	30.0	40.0	30.0	70.0	4.00	
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>								
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90	
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00	
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00	
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.40	
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00	
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	40.0	20.0	60.0	3.80	
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90	

37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	40.0	20.0	60.0	3.80
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	10.0	30.0	50.0	10.0	60.0	3.60
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10

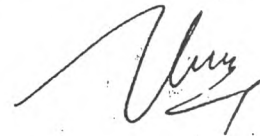
**VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

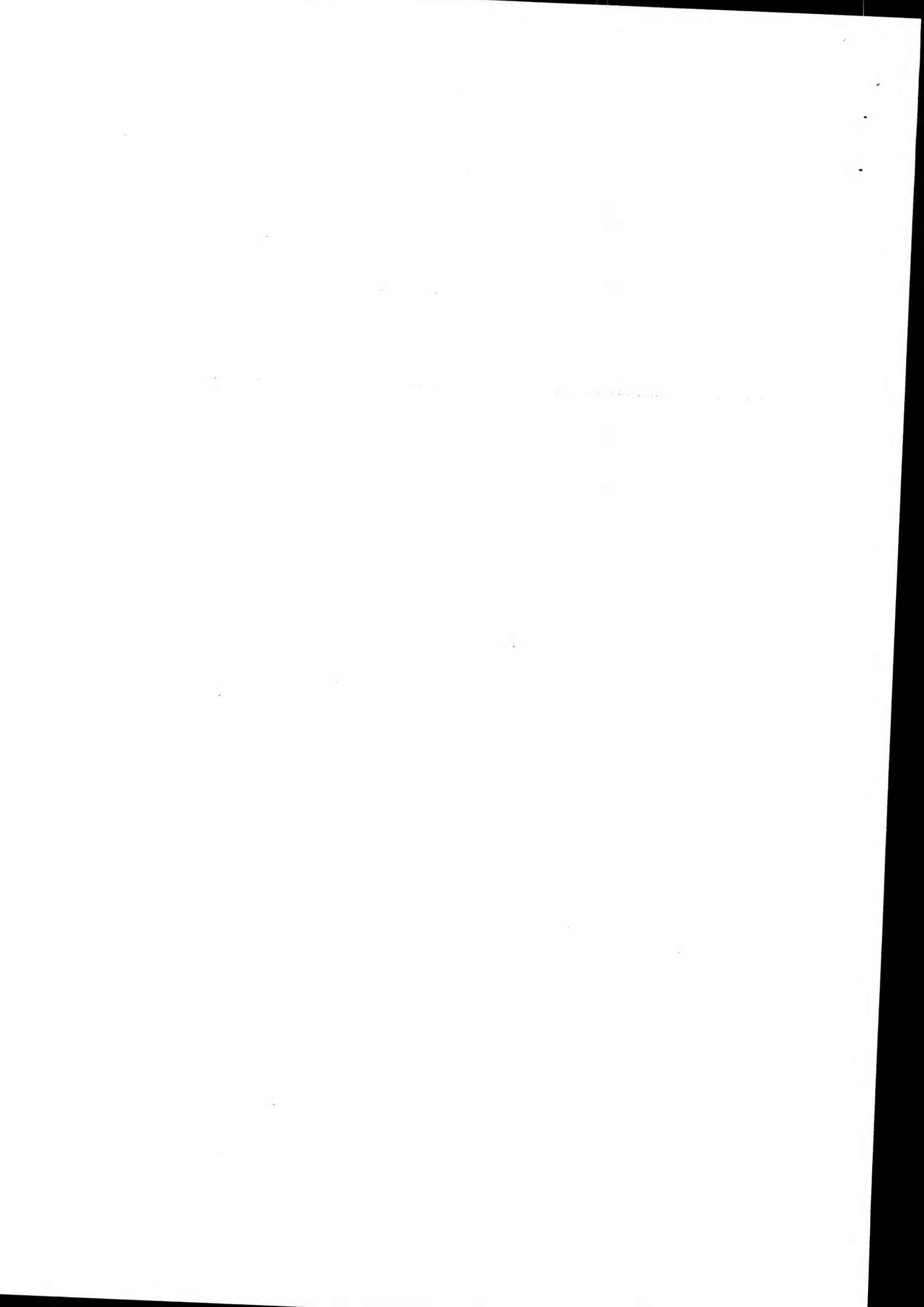


**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**



Hà Nội, ngày tháng 1 năm 2020

PHỤ LỤC  
3

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Ngành: Kinh tế

Số lượng gv phản hồi: 10

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

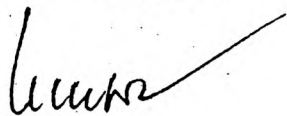
STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	10.0	40.0	50.0	90.0	4.40
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	20.0	70.0	10.0	80.0	3.90
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	10.0	90.0	0.0	90.0	3.90
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.40
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	10.0	60.0	30.0	90.0	4.20
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	10.0	90.0	0.0	90.0	3.90
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	30.0	60.0	10.0	70.0	3.80

<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>								
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90	
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00	
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00	
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>								
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	0.0	30.0	60.0	10.0	70.0	3.80	
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	20.0	70.0	10.0	80.0	3.90	
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	70.0	30.0	100.0	4.30	
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00	
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoả đáng	0.0	0.0	30.0	60.0	10.0	70.0	3.80	
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v. ) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	30.0	60.0	10.0	70.0	3.80	
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	30.0	40.0	30.0	70.0	4.00	
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>								
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90	
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00	
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00	
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.40	
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00	
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	40.0	20.0	60.0	3.80	
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90	

37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	40.0	20.0	60.0	3.80
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.90
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	10.0	30.0	50.0	10.0	60.0	3.60
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.10

VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Lưu Văn An

TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT



TS. Nguyễn Thị Hương





**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Ngành: Lịch sử

Số lượng gv phản hồi: 4

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

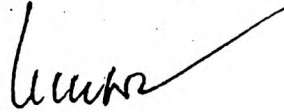
STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	25.0	75.0	0.0	75.0	3.75
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.00
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.50
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.00
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.00
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.50
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.00
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.00
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25

<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoả đáng	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v. ) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.25
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.00
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.00
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00

37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	75.0	0.0	75.0	3.75
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	75.0	0.0	75.0	3.75
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00

VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

PHÓ GIÁM ĐỐC

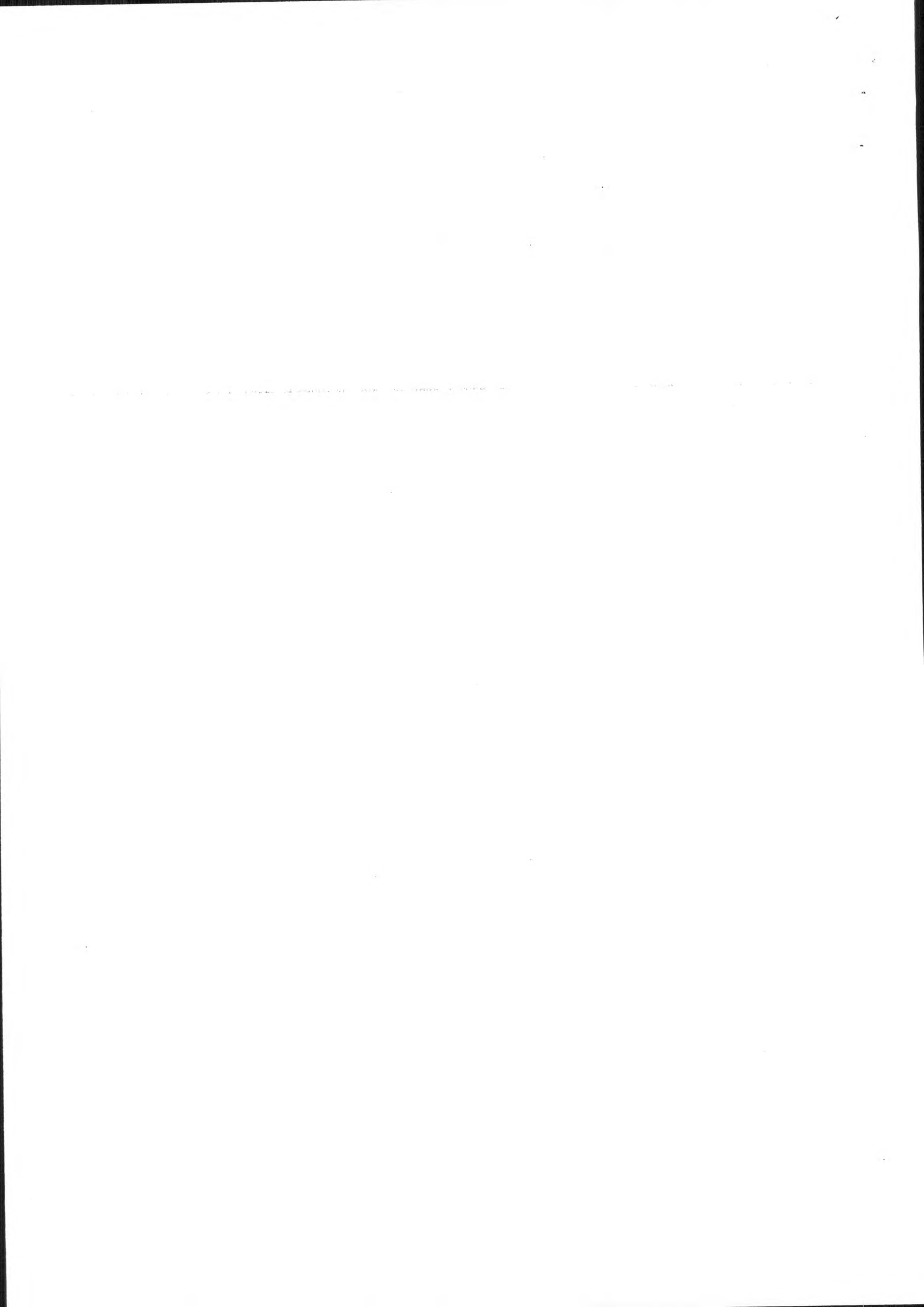


PGS.TS. Lưu Văn An

TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT



TS. Nguyễn Thị Hương



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Ngành: Ngôn ngữ Anh  
Số lượng gv phản hồi: 19

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	10.5	10.5	63.2	15.8	78.9	3.84
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	26.3	63.2	10.5	73.7	3.84
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	5.3	31.6	47.4	15.8	63.2	3.74
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	5.3	15.8	52.6	26.3	78.9	4.00
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	15.8	5.3	47.4	31.6	78.9	3.95
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	10.5	21.1	36.8	31.6	68.4	3.89
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	15.8	21.1	42.1	21.1	63.2	3.68
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	5.3	26.3	57.9	10.5	68.4	3.74
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	5.3	15.8	63.2	15.8	78.9	3.89
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	5.3	21.1	52.6	21.1	73.7	3.89
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	5.3	10.5	42.1	42.1	84.2	4.21
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	5.3	15.8	47.4	31.6	78.9	4.05
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	5.3	21.1	47.4	26.3	73.7	3.95
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	10.5	21.1	47.4	21.1	68.4	3.79
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	10.5	5.3	63.2	21.1	84.2	3.95
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	10.5	15.8	47.4	26.3	73.7	3.89
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	42.1	31.6	26.3	57.9	3.84

<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	10.5	5.3	63.2	21.1	84.2	3.95
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	10.5	15.8	52.6	21.1	73.7	3.84
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	5.3	5.3	21.1	42.1	26.3	68.4	3.79
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	15.8	31.6	47.4	5.3	52.6	3.42
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	31.6	57.9	10.5	68.4	3.79
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	5.3	21.1	63.2	10.5	73.7	3.79
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	36.8	42.1	21.1	63.2	3.84
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	5.3	21.1	31.6	36.8	5.3	42.1	3.16
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	10.5	36.8	42.1	10.5	52.6	3.53
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	5.3	5.3	42.1	36.8	10.5	47.4	3.42
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	5.3	42.1	42.1	10.5	52.6	3.58
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	10.5	10.5	68.4	10.5	78.9	3.79
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	15.8	31.6	47.4	5.3	52.6	3.42
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	5.3	10.5	15.8	52.6	15.8	68.4	3.63
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	26.3	31.6	36.8	5.3	42.1	3.21
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	21.1	42.1	36.8	0.0	36.8	3.16
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	10.5	36.8	52.6	0.0	52.6	3.42

37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	31.6	57.9	10.5	68.4	3.79
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	5.3	42.1	42.1	10.5	52.6	3.58
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	47.4	42.1	10.5	52.6	3.63
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	15.8	52.6	26.3	5.3	31.6	3.21
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	5.3	26.3	36.8	26.3	5.3	31.6	3.00
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	10.5	21.1	47.4	21.1	68.4	3.79

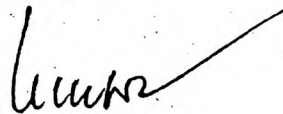
**VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo**

Đồng bộ hóa thiết bị hỗ trợ dạy và học trong các phòng học: máy chiếu tốt, loa chất lượng âm thanh tốt để nghe và xem video trong dạy học ngoại ngữ; Cần trang bị internet diện rộng trên các giảng đường, dung lượng lớn, tốc độ nhanh.

Cần có chế độ phù hợp cho giảng viên nếu phải tham gia dạy vào buổi tối và ngày thứ bảy chủ nhật. Hoặc không xếp lớp học, xếp lịch thi vào buổi tối hoặc các ngày nghỉ cuối tuần

Thiết bị như hệ thống loa, micro, projector + màn hình, quạt, bóng đèn cần được sửa chữa và thay mới kịp thời.

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

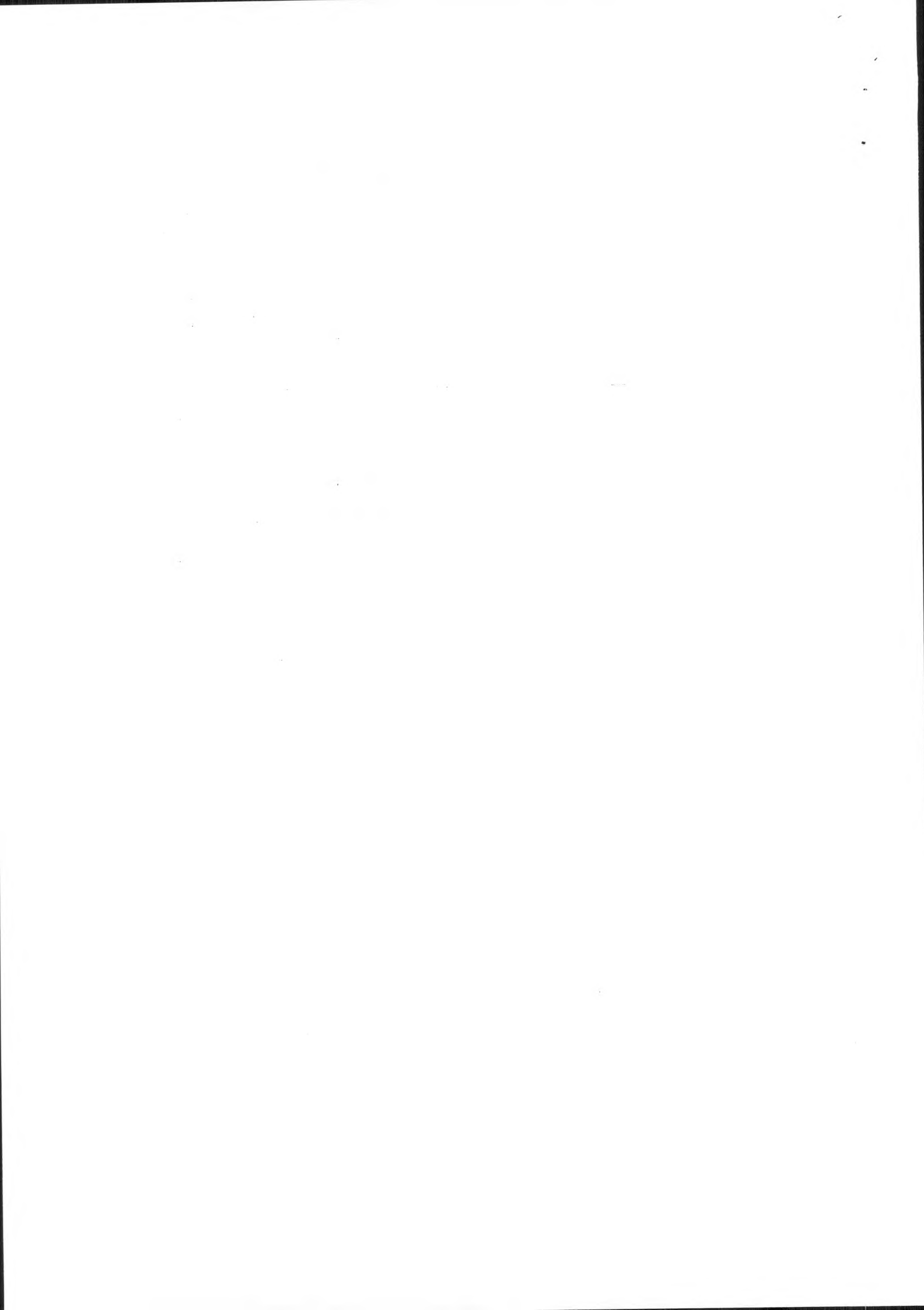


**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**





**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NĂM 2019**

Ngành: Quan hệ công chúng

Số lượng gv phản hồi: 7

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	14.3	42.9	42.9	85.7	4.29
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	14.3	42.9	42.9	85.7	4.29
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	28.6	42.9	28.6	71.4	4.00
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	14.3	14.3	42.9	28.6	71.4	3.86
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	14.3	85.7	0.0	85.7	3.86
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	14.3	28.6	57.1	85.7	4.43
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	28.6	28.6	42.9	71.4	4.14
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	57.1	3.57
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.00
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	42.9	42.9	14.3	57.1	3.71
<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							

20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.00
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	14.3	28.6	57.1	85.7	4.43
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	14.3	0.0	14.3	57.1	14.3	71.4	3.57
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	57.1	3.57
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	14.3	14.3	42.9	28.6	71.4	3.86
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	28.6	71.4	0.0	71.4	3.71
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoả đáng	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	57.1	3.57
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	28.6	71.4	0.0	71.4	3.71
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	28.6	71.4	0.0	71.4	3.71
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	42.9	42.9	14.3	57.1	3.71
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	14.3	28.6	57.1	0.0	57.1	3.43
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	28.6	71.4	0.0	71.4	3.71
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	14.3	28.6	57.1	0.0	57.1	3.43
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	28.6	57.1	0.0	57.1	3.43
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	57.1	42.9	0.0	42.9	3.43
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	42.9	57.1	0.0	57.1	3.57
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	42.9	28.6	14.3	42.9	3.43

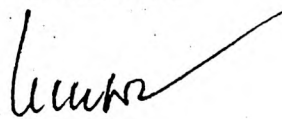
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	57.1	3.57
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	42.9	42.9	0.0	42.9	3.29
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	28.6	42.9	28.6	0.0	28.6	3.00
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	14.3	85.7	0.0	85.7	3.86

**VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo**

Đầu tư thêm về phương tiện kỹ thuật. Hiện một số phòng học, máy chiếu trực trực.

Tốc độ wifi chậm, không ổn định.

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NĂM 2019**

Ngành: Quan hệ quốc tế

Số lượng gv phản hồi: 8

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	85.7	14.3	100.0	4.14
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	0.0	85.7	14.3	100.0	4.14
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.29
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	14.3	14.3	71.4	85.7	4.57
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	14.3	42.9	42.9	85.7	4.29
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	14.3	28.6	57.1	85.7	4.43
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	57.1	42.9	100.0	4.43
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	0.0	85.7	14.3	100.0	4.14
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.29
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	28.6	71.4	100.0	4.71
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.29
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.29
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	14.3	0.0	57.1	28.6	85.7	4.00
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	57.1	42.9	100.0	4.43
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	42.9	57.1	100.0	4.57
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	28.6	28.6	42.9	71.4	4.14
<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.29

21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	14.3	42.9	42.9	85.7	4.29
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.29
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	0.0	0.0	85.7	14.3	100.0	4.14
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	71.4	3.71
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	42.9	42.9	14.3	57.1	3.71
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoả đáng	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.00
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	14.3	14.3	42.9	28.6	71.4	3.86
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	14.3	28.6	28.6	28.6	57.1	3.71
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.00
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.29
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	28.6	28.6	42.9	71.4	4.14
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.00
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	28.6	42.9	28.6	71.4	4.00
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	57.1	42.9	0.0	42.9	3.43
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	28.6	71.4	0.0	71.4	3.71

40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	0.0	85.7	0.0	85.7	3.71
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	71.4	3.71
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.29

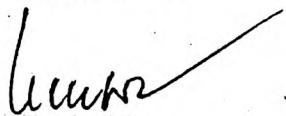
**VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo**

Có sự tham gia đánh giá của các nhà tuyển dụng trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo

Cần sử dụng các loại bàn ghế linh hoạt hơn

Tăng cường đào tạo đưa sinh viên đi thực tế

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

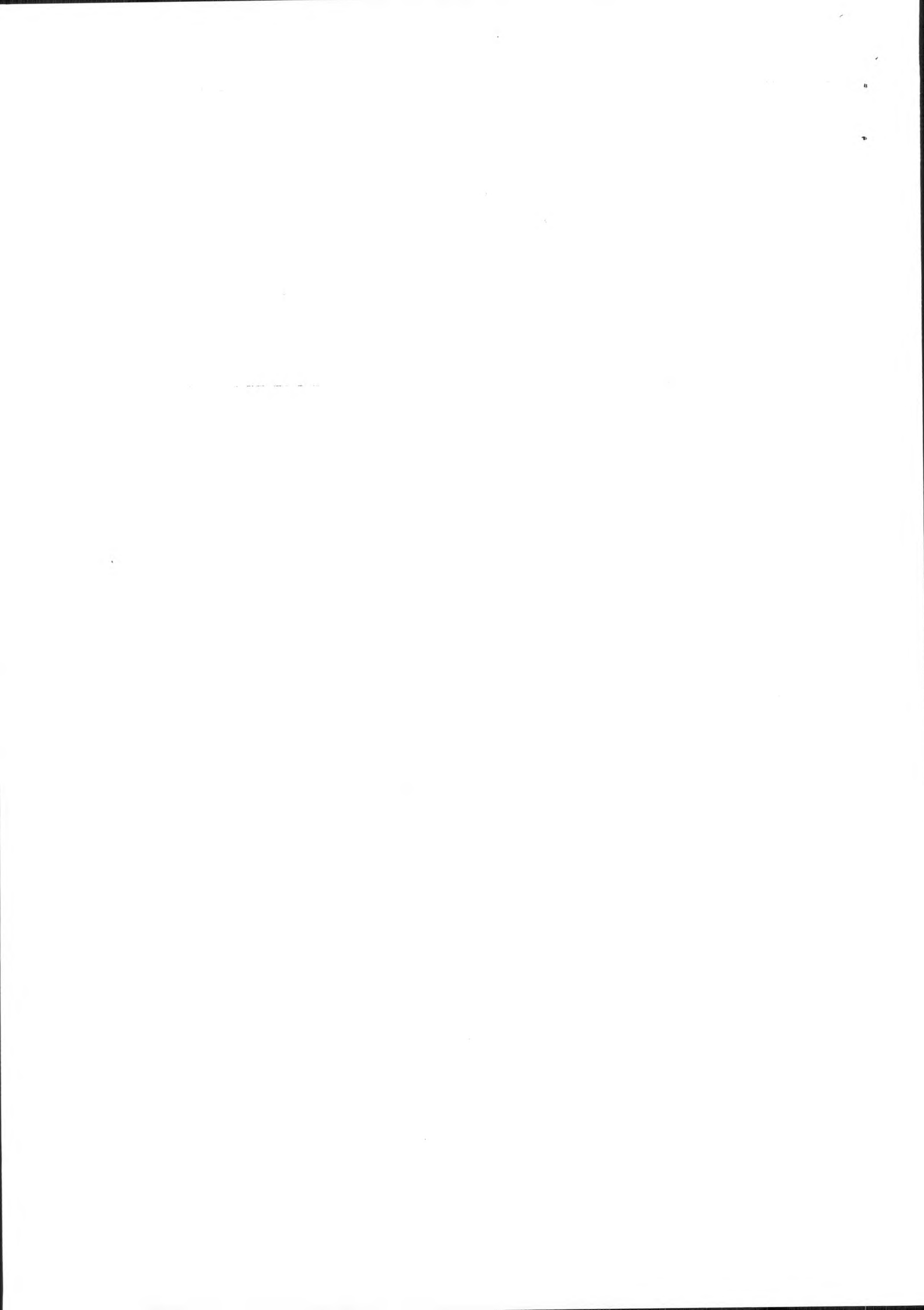


**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**





Hà Nội, ngày tháng 1 năm 2020

PHỤ LỤC  
3

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Ngành: Quản lý nhà nước

Số lượng gv phản hồi: 7

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	42.9	57.1	100.0	4.57
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.00
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.00
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	83.3	4.00
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.29
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.00
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.00
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.00
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	28.6	71.4	0.0	71.4	3.71
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86

<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>								
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	85.7	14.3	100.0	4.14	
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	0.0	85.7	14.3	100.0	4.14	
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	14.3	85.7	0.0	85.7	3.86	
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>								
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	57.1	3.57	
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	42.9	28.6	28.6	57.1	3.86	
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	28.6	42.9	28.6	71.4	4.00	
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	14.3	42.9	28.6	14.3	42.9	3.43	
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoả đáng	0.0	14.3	42.9	28.6	14.3	42.9	3.43	
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v. ) dựa trên hiệu quả công việc	14.3	14.3	14.3	42.9	14.3	57.1	3.29	
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	14.3	14.3	28.6	28.6	14.3	42.9	3.14	
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>								
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	42.9	28.6	28.6	57.1	3.86	
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	42.9	42.9	14.3	57.1	3.71	
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	14.3	14.3	42.9	28.6	71.4	3.86	
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	14.3	14.3	42.9	28.6	71.4	3.86	
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	71.4	3.71	
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	71.4	3.71	
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	28.6	71.4	0.0	71.4	3.71	

37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	28.6	71.4	0.0	71.4	3.71
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	71.4	3.71
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	71.4	3.71
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	28.6	14.3	42.9	14.3	57.1	3.43
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	57.1	3.57
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	28.6	71.4	0.0	71.4	3.71

**VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo**

Nâng cao chất lượng và bổ sung giảng viên;

Tăng cường cơ sở vật chất cho nghiên cứu và giảng dạy;

Quan tâm và nâng cao đời sống cho đội ngũ giảng viên phù hợp với hao phí chất xám....

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

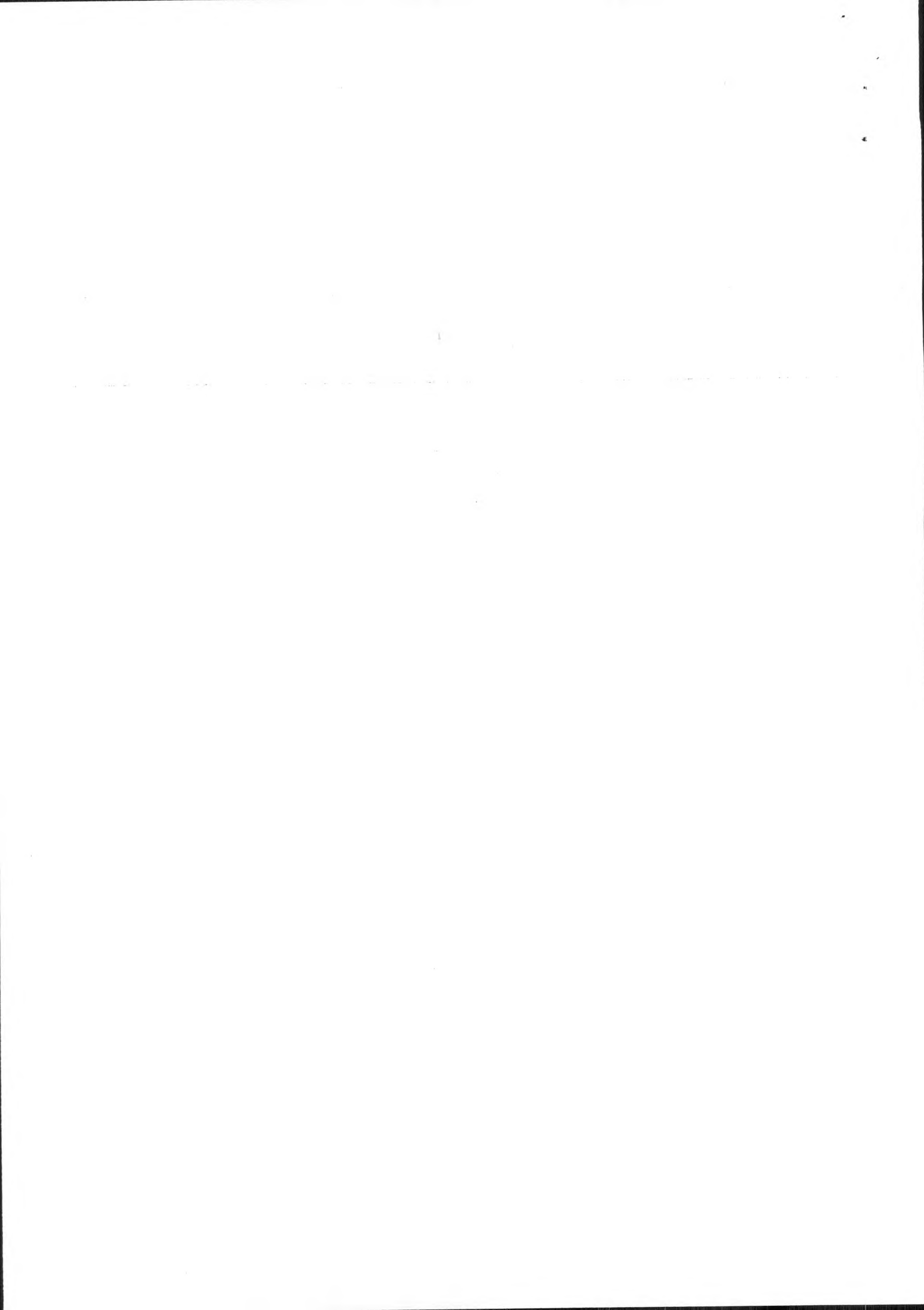


**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**



Hà Nội, ngày tháng 1 năm 2020

PHỤ LỤC  
3

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**  
Ngành: Quảng cáo  
Số lượng gv phản hồi: 7

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	14.3	42.9	42.9	85.7	4.29
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	14.3	42.9	42.9	85.7	4.29
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	28.6	42.9	28.6	71.4	4.00
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	14.3	14.3	42.9	28.6	71.4	3.86
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	14.3	85.7	0.0	85.7	3.86
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.14
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	14.3	28.6	57.1	85.7	4.43
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	28.6	28.6	42.9	71.4	4.14
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	57.1	3.57
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.00
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	42.9	42.9	14.3	57.1	3.71

<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.00
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	14.3	28.6	57.1	85.7	4.43
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	14.3	0.0	14.3	57.1	14.3	71.4	3.57
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	57.1	3.57
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	14.3	14.3	42.9	28.6	71.4	3.86
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	28.6	71.4	0.0	71.4	3.71
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	57.1	3.57
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v. ) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	28.6	71.4	0.0	71.4	3.71
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	28.6	71.4	0.0	71.4	3.71
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.86
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	42.9	42.9	14.3	57.1	3.71
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	14.3	28.6	57.1	0.0	57.1	3.43
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	28.6	71.4	0.0	71.4	3.71
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	14.3	28.6	57.1	0.0	57.1	3.43
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	28.6	57.1	0.0	57.1	3.43
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	57.1	42.9	0.0	42.9	3.43

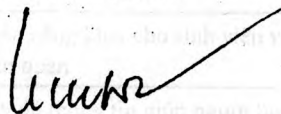
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	42.9	57.1	0.0	57.1	3.57
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	42.9	28.6	14.3	42.9	3.43
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	57.1	3.57
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	42.9	42.9	0.0	42.9	3.29
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	28.6	42.9	28.6	0.0	28.6	3.00
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	14.3	85.7	0.0	85.7	3.86

**VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo**

Đầu tư thêm về phương tiện kỹ thuật. Hiện một số phòng học, máy chiếu trực trực.

Tốc độ wifi chậm, không ổn định.

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Luu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**

21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	0.0	60.0	40.0	0.0	40.0	3.4
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	40.0	60.0	0.0	60.0	3.6
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	60.0	40.0	0.0	40.0	3.4
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	40.0	60.0	0.0	60.0	3.6
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	60.0	0.0	60.0	3.6
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	40.0	60.0	0.0	60.0	3.6




40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	60.0	0.0	60.0	3.6
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	60.0	0.0	60.0	3.6
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0

**VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo**

Học viện cần cải tiến nhằm nâng cao chất lượng mạng internet và công nghệ thông tin để phục vụ tốt hơn cho giảng dạy, học tập và làm việc!

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

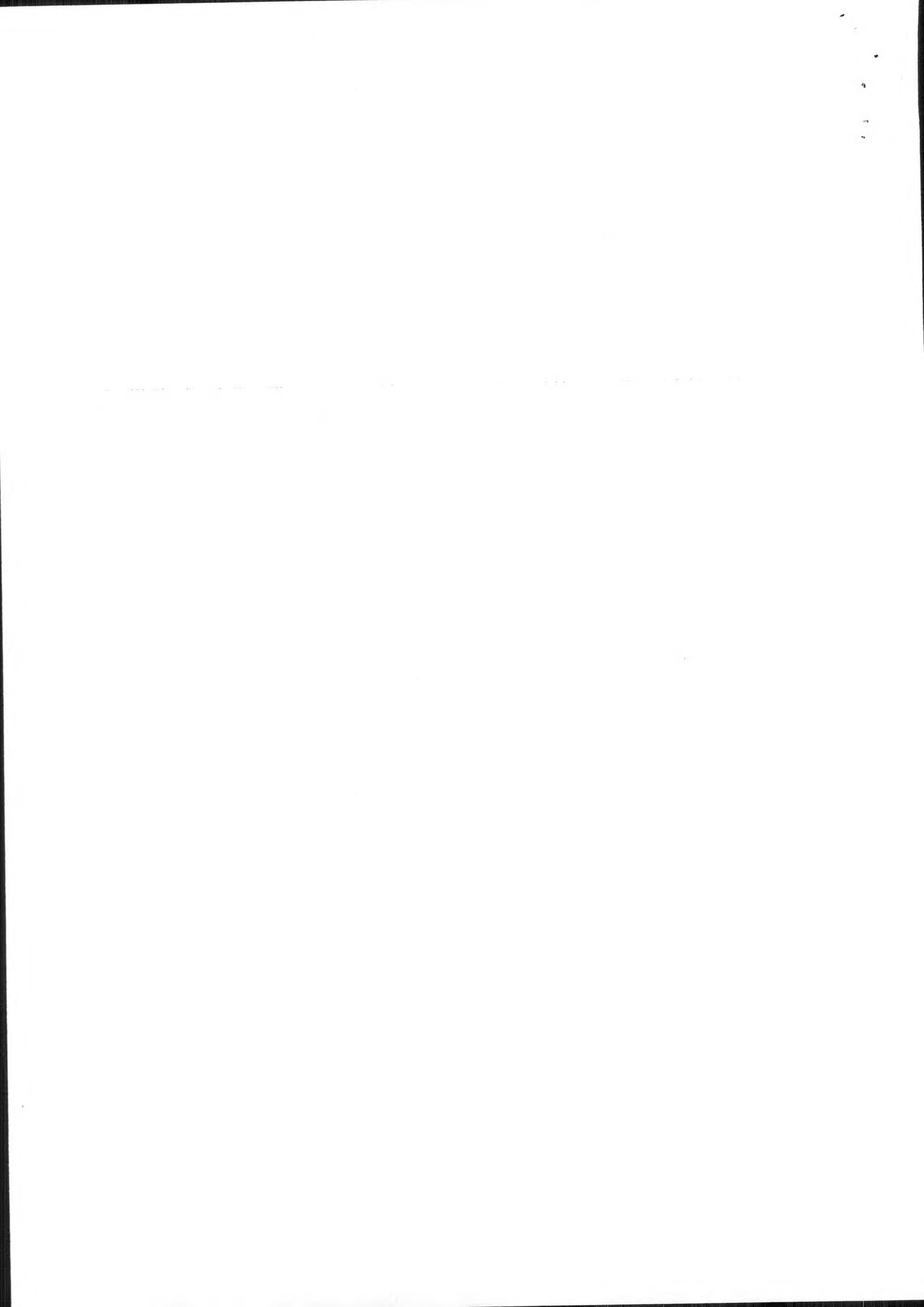


**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NĂM 2019**

Ngành: Xã hội học  
Số lượng gv phản hồi: 12

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	16.7	75.0	8.3	83.3	3.92
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	8.3	8.3	83.3	0.0	83.3	3.75
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	8.3	58.3	33.3	91.7	4.25
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	91.7	4.17
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	91.7	4.17
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	8.3	75.0	16.7	91.7	4.08
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	50.0	33.3	16.7	50.0	3.67
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	16.7	58.3	25.0	83.3	4.08
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	16.7	58.3	25.0	83.3	4.08
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	91.7	4.17
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	8.3	41.7	50.0	91.7	4.42
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	16.7	25.0	58.3	83.3	4.42
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	66.7	3.83
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	25.0	41.7	33.3	75.0	4.08
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.33
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	8.3	58.3	33.3	91.7	4.25
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	66.7	3.83
<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	91.7	4.17

21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.33
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	83.3	4.00
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	0.0	58.3	33.3	8.3	41.7	3.50
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.00
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	91.7	4.17
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	8.3	75.0	16.7	91.7	4.08
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoả đáng	0.0	8.3	41.7	41.7	8.3	50.0	3.50
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	33.3	58.3	8.3	66.7	3.75
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	41.7	50.0	8.3	58.3	3.67
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	25.0	66.7	8.3	75.0	3.83
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	91.7	4.17
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	16.7	75.0	8.3	83.3	3.92
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.33
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	25.0	58.3	16.7	75.0	3.92
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	41.7	58.3	0.0	58.3	3.58
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	8.3	16.7	75.0	0.0	75.0	3.67
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	8.3	16.7	66.7	8.3	75.0	3.75
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	8.3	25.0	58.3	8.3	66.7	3.67
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	8.3	33.3	50.0	8.3	58.3	3.58

40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	41.7	41.7	0.0	41.7	3.25
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	50.0	33.3	0.0	33.3	3.17
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	8.3	75.0	16.7	91.7	4.08

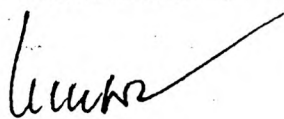
**VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo**

Nâng cao chất lượng đường truyền mạng internet, thủ tục hành chính cần đơn giản hoá hơn nữa tạo điều kiện cho giảng viên.

- Hệ thống âm thanh và ánh sáng tại các phòng học chưa tốt (phòng thi sáng quá, phòng học nếu tắt đèn đi để đủ ánh sáng cho máy chiếu thì sinh viên dễ ngủ gật vì phòng học tối quá)
- Bàn ghế còn nặng khiến việc kê, di chuyển bàn ghế cho các hoạt động gây ảnh hưởng tới các lớp xung quanh

Cần mua bản quyền để giảng viên và sinh viên tiếp cận với các tài liệu cả tiếng Việt và tiếng Anh phục vụ học tập, tự nghiên cứu; các phần mềm ứng dụng trong các môn tin học chuyên ngành. Mạng internet cần tăng tốc độ và cho phép sử dụng ở các phòng học để tiện lợi cho việc dạy-học tích cực. Cần thay thế các thiết bị hỗ trợ giảng dạy đã cũ (micro)....

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

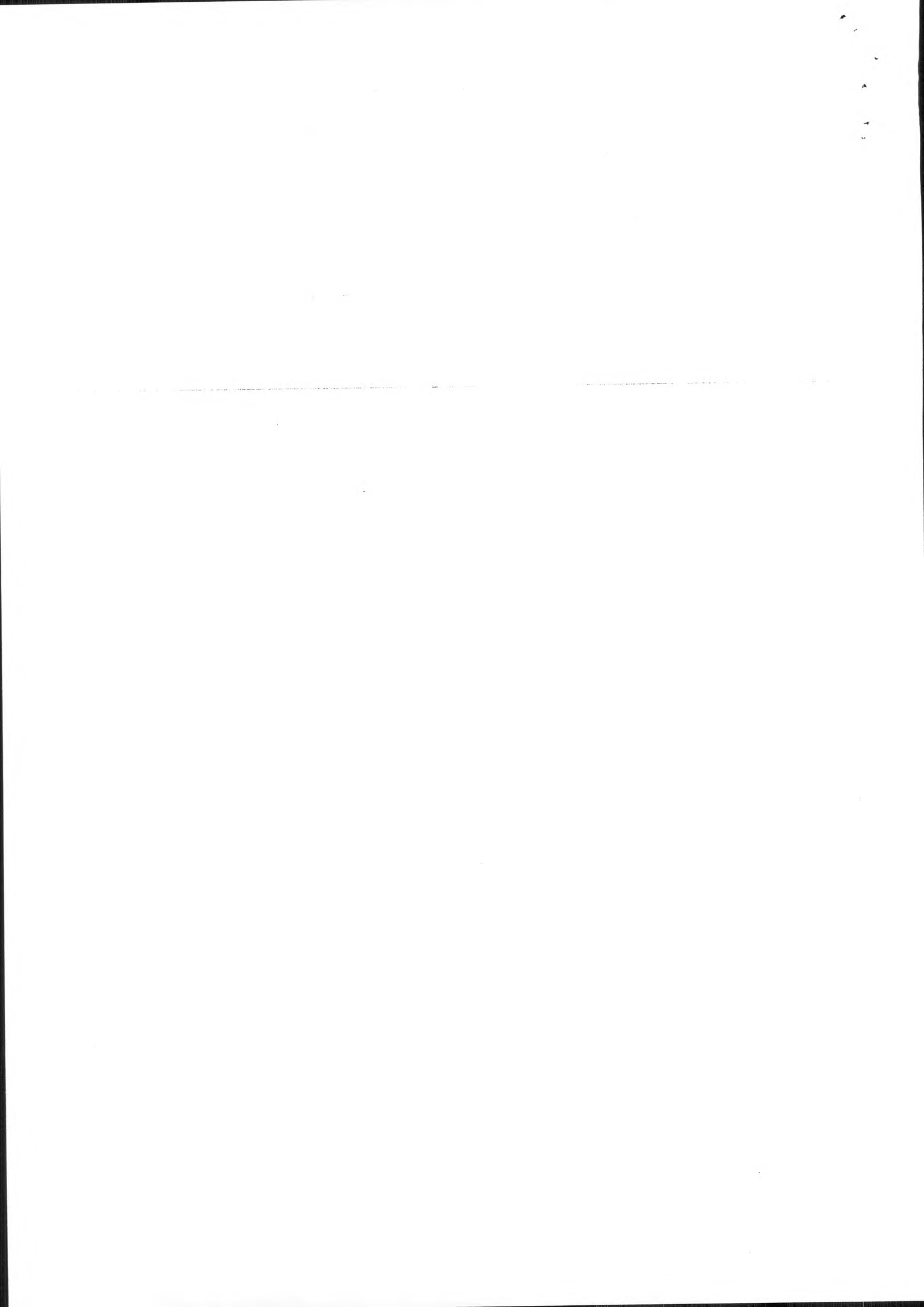


**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**  
Ngành: Xây dựng Đảng  
Số lượng gv phản hồi: 8

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	37.5	62.5	100.0	4.63
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	0.0	37.5	62.5	100.0	4.63
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	100.0	4.38
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	87.5	4.38
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	37.5	62.5	100.0	4.63
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	87.5	4.38
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	12.5	25.0	62.5	87.5	4.50
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	25.0	37.5	37.5	75.0	4.13
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	25.0	37.5	37.5	75.0	4.13
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	87.5	4.38
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	12.5	25.0	62.5	87.5	4.50
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	12.5	25.0	62.5	87.5	4.50
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	87.5	4.38
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	100.0	4.38
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.13
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.13
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	87.5	4.38

V	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	25.0	37.5	37.5	75.0	4.13
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	28.6	28.6	42.9	71.4	4.14
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	87.5	4.25
VI	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	87.5	4.25
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	12.5	25.0	62.5	87.5	4.50
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	37.5	62.5	100.0	4.63
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	0.0	37.5	62.5	100.0	4.63
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoải mái	0.0	0.0	25.0	37.5	37.5	75.0	4.13
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v. ) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	37.5	12.5	50.0	62.5	4.13
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	12.5	25.0	25.0	37.5	62.5	3.88
VII	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.13
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	12.5	12.5	75.0	87.5	4.63
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	12.5	25.0	62.5	87.5	4.50
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	37.5	62.5	100.0	4.63
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.00
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.00
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.13



37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	12.5	25.0	62.5	87.5	4.50
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	87.5	4.25
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	87.5	4.25
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	12.5	0.0	50.0	37.5	87.5	4.13
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	12.5	12.5	50.0	25.0	75.0	3.88
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	87.5	4.38

**VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo**

Đầu tư thêm thiết bị vật chất, hạ tầng hiện đại

Rất hài lòng

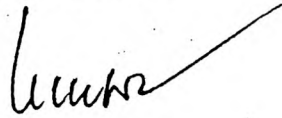
gắn lý luận với thực tiễn trong chương trình đào tạo

Cần tăng cường trang bị kỹ thuật và cải thiện điều kiện sinh hoạt, học tập cho sinh viên ở Ký túc xá (nhất là tăng cường cung ứng dịch vụ Internet, nâng cấp nhà ăn sinh viên);

Rà soát và cải thiện các thiết bị giảng dạy trên giảng đường;

Quan tâm hơn nữa chế độ khuyến khích nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên (nhất là ưu tiên biên soạn giáo trình)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**

1  
2  
3  
4

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**  
Ngành: Xuất bản  
Số lượng gv phản hồi: 5

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
3	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
<b>II</b>	<b>Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.40
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
<b>III</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.40
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.40
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.40
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
<b>IV</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.80

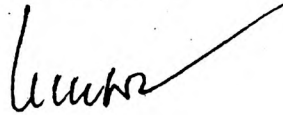
<b>V</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.00
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.80
<b>VI</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
23	Khối lượng công việc hợp lý	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.80
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
25	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
26	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
27	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	0.0	40.0	60.0	0.0	60.0	3.60
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v. ) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
29	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.80
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	20.0	20.0	60.0	0.0	60.0	3.40
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.80
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	20.0	20.0	60.0	0.0	60.0	3.40
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	20.0	20.0	60.0	0.0	60.0	3.40
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	20.0	20.0	60.0	0.0	60.0	3.40

37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.20
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.80
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.00
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	20.0	20.0	60.0	0.0	60.0	3.40
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.80
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.80

**VIII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo**

Bổ trí lại máy chiếu trong các phòng học, nâng cấp cơ sở hạ tầng như điện, nước, hệ thống âm thanh, dây cáp nối, mic

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Lưu Văn An**

**TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT**



**TS. Nguyễn Thị Hương**

100  
101  
102  
103  
104